



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

1

Tháng 01 - 2016

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TỔNG KẾT CÔNG TÁC CỦA NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2015

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

The background of the entire page is a soft-focus photograph of pink cherry blossoms on dark branches. The flowers are in various stages of bloom, with some fully open and others as buds. The lighting is warm and natural, creating a serene and celebratory atmosphere.

Chúc mừng năm mới

Các bạn đọc và cộng tác viên thân mến!

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ Xây dựng và sự giúp đỡ, cộng tác nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị trong Ngành, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng đã không ngừng được nâng cao về chất lượng nội dung và hình thức, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành - quản lý của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở các địa phương trong cả nước.

Năm 2016, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng; sự cộng tác, ủng hộ của các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng; của các cộng tác viên để Ấn phẩm ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các bạn đọc và các cộng tác viên.

Nhân dịp năm mới Xuân Bình Thân - 2016, Trung tâm Thông tin - đơn vị phát hành Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng xin kính chúc toàn thể Quý độc giả, các cộng tác viên cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN

NGUYỄN NGỌC QUANG

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

1

SỐ 1 - 01/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020 6
- Bộ Xây dựng ban hành Quyết định Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 7
- Bộ Xây dựng ban hành Quyết định về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 của Bộ 8
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 9

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh 11
- Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định về giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh 12
- Tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định quy định về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LÝ

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài biên soạn “Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân” 15
- Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 16
- Hội thảo “Hiện trạng, nhu cầu và định hướng quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng” 18
- Hội nghị thẩm định các Đề án đề nghị nâng loại đô thị của tỉnh Bến Tre 19
- Công nghệ mới trong xây dựng nền móng công trình 21
- Công nghệ cải tiến trong cách nhiệt cho tòa nhà Thủy tinh bọt 23
- Công nghệ tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải xây dựng ở Liên bang Nga 25

Thông tin

- Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác của ngành Xây dựng năm 2015 29
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng 32
- Cục Hạ tầng kỹ thuật tổng kết công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2016 34
- Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị tổng kết công tác năm 2015 36
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản 37
- Vật liệu lợp polymer và vật liệu chống thấm của Nga 39
- Trung Quốc: Thành phố Ôn Lĩnh thực hiện tài nguyên hóa nước mưa 41
- Tình hình xử lý tận dụng rác thải xây dựng ở Trung Quốc 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2360/QĐ-TTg về Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) giai đoạn 2015 - 2020.

Các vùng KTTĐ quy định tại Quy chế này bao gồm Vùng KTTĐ Bắc Bộ gồm thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, và các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc; vùng KTTĐ miền Trung gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định; vùng KTTĐ phía Nam gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Tiền Giang; vùng KTTĐ đồng bằng sông Cửu Long gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Cà Mau.

Nội dung phối hợp trọng tâm gồm về xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch như sau: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm trong các vùng KTTĐ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch, phù hợp với định hướng chung của Vùng; việc lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch phải được thực hiện theo các quy định hiện hành; phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, sau khi quy hoạch được phê duyệt, các cơ quan, địa phương quản lý tổ chức công bố, công khai quy hoạch, triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước; các lĩnh vực

cần phối hợp trong quá trình lập và tổ chức thực hiện quy hoạch gồm kết nối hệ thống giao thông, hạ tầng thông tin, hệ thống cung cấp nước sạch và sử dụng nguồn nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở dạy nghề, các bệnh viện và xử lý ô nhiễm môi trường...

Về đầu tư phát triển bao gồm huy động vốn đầu tư từ nước ngoài (FDI, ODA), huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước vào các lĩnh vực chủ yếu như xử lý nước thải, chất thải rắn, phát triển cảng biển, sân bay, xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối liên tỉnh, đường cao tốc, phát triển các khu công nghiệp...; đối với các dự án đã có trong quy hoạch ngành, vùng KTTĐ và đã thông qua chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn, các Bộ, ngành, địa phương liên quan cần tiếp tục phối hợp để thực hiện; với các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước thì các Bộ, ngành và địa phương tuân thủ Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành; các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác thì các Bộ, ngành và địa phương cần công khai quy hoạch và cơ chế cung cấp thông tin để định hướng đầu tư. Với các dự án chỉ có trong quy hoạch phát triển ngành, không có trong quy hoạch phát triển vùng KTTĐ và quy hoạch của địa phương thì các Bộ, ngành phải lấy ý kiến Hội đồng vùng và các địa phương trong vùng KTTĐ để thống nhất trước khi quyết định đầu tư và thực hiện. Với các dự án chỉ có trong quy hoạch của địa phương mà không có trong quy hoạch phát triển ngành và vùng KTTĐ thì

các địa phương lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan và Hội đồng vùng KTTĐ trước khi quyết định đầu tư và triển khai thực hiện.

Về đào tạo và sử dụng lao động thì phối hợp xây dựng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp...; phối hợp trong sử dụng lao động nhất là lao động di chuyển, lao động khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; phối hợp trong việc xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình thiết yếu cho người lao động; trong giải quyết các vấn đề an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Về xây dựng các cơ chế, chính sách gồm các Bộ, ngành nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành những cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành mình để áp dụng cho vùng KTTĐ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; các Bộ, ngành rà soát, nghiên cứu xây dựng các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ, huy động vốn đầu tư áp dụng cho các vùng KTTĐ; bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, xây dựng dự toán ngân sách địa phương công khai, minh bạch; cơ chế tài chính hỗ trợ phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, sản phẩm công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề bậc cao, chính sách thu hút

nhân tài. Ngoài chính sách chung cho toàn vùng KTTĐ, các địa phương có thể cụ thể hóa chính sách chung cho phù hợp với địa phương mình nhưng không trái với quy định hiện hành và các chính sách chung của toàn vùng.

Về cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng thì các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin về các lĩnh vực liên quan đến nội dung, cơ chế phối hợp phát triển trong các vùng KTTĐ cho Văn phòng Ban Chỉ đạo, Hội đồng vùng, Tổ điều phối của các Bộ, địa phương; các nội dung thông tin cần cung cấp gồm cơ chế chính sách, dự báo thị trường, các dự án đầu tư quy mô lớn, các chỉ tiêu về đầu tư nước ngoài, về đầu tư từ ngoài tỉnh, các chỉ tiêu về xã hội và môi trường... Văn phòng Ban Chỉ đạo tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin giữa các địa phương trong vùng KTTĐ, giữa các vùng với các Bộ, ngành và Ban Chỉ đạo, Hội đồng vùng nhằm xác định các vấn đề liên quan cần xử lý, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo; các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương liên quan chịu trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời tới Văn phòng Ban Chỉ đạo để phục vụ công tác chỉ đạo chung.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016

Ngày 28 tháng 12 năm 2015, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1454/QĐ-BXD về Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016.

Mục đích của Kế hoạch nhằm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất

động sản; những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện, đề xuất các biện pháp khắc phục, hoàn thiện hệ thống pháp luật về Xây dựng.

Trọng tâm của việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật tập trung vào các nội dung gồm việc thực hiện pháp luật về thẩm định dự án, pháp luật về cấp giấy phép xây dựng, pháp luật về phát triển đô thị tại Sở Xây dựng các tỉnh, thành

phố trực thuộc trung ương và UBND cấp huyện.

Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm định dự án gồm triển khai, ban hành văn bản, tổ chức thực hiện pháp luật về thẩm định dự án tại Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định pháp luật về xây dựng; đánh giá việc thực hiện các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định dự án; kiến nghị của các Sở, ngành, địa phương.

Việc thực hiện các quy định pháp luật về cấp giấy phép xây dựng gồm triển khai, ban hành văn bản, tổ chức thực hiện pháp luật về cấp giấy phép xây dựng; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định pháp luật về cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND cấp huyện; đánh giá việc thực hiện các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kết quả giải quyết cấp giấy phép xây dựng; kiến nghị của Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND cấp huyện.

Việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị gồm triển khai, ban hành văn bản, tổ chức thực hiện pháp luật về việc thực

hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện; đánh giá việc thực hiện các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kết quả giải quyết các quy định pháp luật về phát triển đô thị; kiến nghị của Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Việc thực hiện pháp luật về thẩm định dự án, về cấp giấy phép xây dựng, về phát triển đô thị tại Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND cấp huyện được tiến hành bằng hình thức kiểm tra trực tiếp tại một số Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND cấp huyện cụ thể là Sở Xây dựng và một số quận, huyện, thị xã trực trên địa bàn các tỉnh khu vực phía Bắc là Lào Cai, Điện Biên; miền Trung là Quảng Bình, Thừa Thiên Huế; phía Nam là Cần Thơ, Bình Thuận. Thời gian tiến hành kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện pháp luật dự kiến vào quý II, quý III năm 2016. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được lấy từ ngân sách nhà nước và nguồn hỗ trợ khác (nếu có).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 của Bộ

Ngày 28 tháng 12 năm 2015, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1455/QĐ-BXD về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 của Bộ.

Theo Quyết định này, nội dung thực hiện bao gồm tiếp tục công bố TTHC trong các văn bản QPPL đã ban hành như tập trung vào Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, 06 Nghị định và Thông tư hướng dẫn, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn, cập nhật hồ sơ văn bản, hồ sơ

TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, giải quyết TTHC; rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ TTHC trong các văn bản QPPL về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành, đưa ra các phương án đơn giản hóa TTHC; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016, Nghị quyết số 43/NQ-CP về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách TTHC trong

hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh; hoàn thành báo cáo kết quả rà soát và đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các CSDL liên quan đến quản lý dân cư, đề xuất lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ văn bản QPPL thực hiện đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân; hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan đến TTHC; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá

nhân, tổ chức về TTHC trong đầu tư xây dựng; tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, kiểm tra việc rà soát TTHC đi kèm với công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các Bộ, ngành, địa phương;

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015

Ngày 29 tháng 12 năm 2015 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2015/BXD hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

Theo Thông tư này nguyên tắc hỗ trợ gồm hỗ trợ đến từng hộ gia đình theo đúng đối tượng quy định, đảm bảo diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định; việc hỗ trợ phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch; phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa, gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương; Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, kết hợp lồng ghép các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả của chính sách; chỉ thực hiện hỗ trợ đối với các hộ gia đình thuộc diện đối tượng đã có đất để làm nhà ở; với các hộ chưa có đất hoặc đã có đất nhưng nằm trong khu vực thường xuyên bị thiên tai, sạt lở đất, không đảm bảo an toàn, chính quyền địa phương tùy theo

khả năng, điều kiện thực tế bố trí đất ở trước khi hỗ trợ xây dựng nhà ở.

Các đối tượng được hỗ trợ nhà ở phải đảm bảo có đủ điều kiện sau là hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do UBND cấp xã quản lý; hộ chưa có nhà ở hoặc có nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát; hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác, hoặc đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình nhưng đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng; những hộ có tên trong danh sách của Đề án được hỗ trợ vay vốn làm nhà ở nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đã thoát nghèo, vẫn thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách, vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội...

Trình tự lập và phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở như sau: Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo đến các hộ dân; tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ trên

cơ sở danh sách hộ nghèo do UBND cấp xã phê duyệt; cuộc họp phải có đại diện tối thiểu của 50% số hộ gia đình trong thôn và có sự tham gia của đại diện chính quyền cấp xã, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã; việc bình xét theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín); các thôn hướng dẫn các hộ dân có tên trong danh sách làm đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở; danh sách các hộ gia đình nghèo được hỗ trợ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và được công khai tại thôn; đối với những hộ có từ 02 ưu tiên trở lên thì chọn ưu tiên cao hơn. Đối với các hộ có cùng mức độ ưu tiên, việc hỗ trợ được thực hiện theo thứ tự hộ gia đình có nhà hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn; hộ gia đình chưa có nhà ở (chưa có nhà ở riêng, hiện đang ở cùng bố mẹ, ở nhờ nhà của người khác, thuê nhà ở trừ trường hợp được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước); hộ gia đình có đông nhân khẩu. UBND cấp xã xem xét, rà soát tổng hợp và gửi về UBND huyện danh sách số lượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở, thể hiện rõ danh sách những hộ có nhu cầu vay vốn và những hộ không có nhu cầu vay vốn. UBND cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo UBND cấp tỉnh. UBND cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn; gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Đề án cho Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để làm cơ sở cho vay.

Về phương thức xây dựng nhà ở đối với yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng nhà ở thì UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình

phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương (kèm theo dự toán kinh phí, dự trù vật liệu chủ yếu). Các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn; tôn trọng nguyện vọng của người dân, không bắt buộc các hộ gia đình xây dựng nhà ở theo thiết kế mẫu, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng. Các địa phương cũng có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

Nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m²; nhà ở phải đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nền cứng làm bằng các vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng như vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát. “Khung - tường cứng” gồm hệ thống khung, cột được làm từ các loại vật liệu bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch, đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá. “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp; hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi bro xi măng. UBND các tỉnh hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng quy định chủng loại vật liệu địa phương cụ thể, báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Việc tổ chức xây dựng nhà ở được quy định như sau: Các hộ gia đình trong danh sách được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở phải có đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở, đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây dựng nhà; đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật) không có khả năng tự xây nhà ở thì UBND cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức, đoàn thể khác tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này; các hộ gia đình phải báo cho UBND cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn

(hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có) hoặc hoàn thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân vốn vay; UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây

dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở, lập biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 02 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, UBND tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND quy định phân cấp quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, nguyên tắc để quản lý thoát nước và xử lý nước thải bao gồm người gây ô nhiễm phải trả tiền xử lý ô nhiễm, nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải để bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước; nước mưa, nước thải phải được thu gom, được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ; được duy tu, bảo dưỡng, ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước thải thân thiện với môi trường; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoặc đang trong quá trình duy tu, phải có phương án đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, hoàn trả nguyên trạng, khôi phục lại hoặc bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng công trình giao thông; các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hệ thống thoát nước phải có phương án đảm bảo hoạt động bình thường, ổn định hệ thống thoát nước; huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc đầu

tư, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

Sở Xây dựng có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, quản lý đầu tư xây dựng...; thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng; phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh; xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước; ban hành cơ chế, chính sách thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động sử dụng nước thải sau khi xử lý tại các đô thị...; kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị; hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, cụm công nghiệp...

Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước bao gồm được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc một phần từ ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn quản lý; từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước trên địa bàn quản lý. Lập, trình UBND tỉnh quy định quản lý hoạt động thoát nước tại địa phương.

Xây dựng quy định về xác định khối lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người trong trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung;

Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước đối với quản lý bùn thải bao gồm chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và tái sử dụng bùn thải; thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng bùn thải sau xử lý; rà soát, đánh giá ảnh hưởng và tác động môi trường đối với bùn thải sau xử lý; rà soát các tiêu chuẩn sử dụng bùn thải sau xử lý; xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể về hỗ trợ trong đầu tư xây dựng công trình, công nghệ xử lý bùn thải.

Trách nhiệm của đơn vị thoát nước đối với quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước bao gồm thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; lập hồ sơ quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo hợp đồng quản lý vận hành; khảo sát, đánh giá nhu cầu và khả năng sử dụng bùn thải sau xử lý, và lập kế hoạch sử dụng.

Trách nhiệm của đơn vị xử lý bùn thải bể tự hoại gồm tiếp nhận và xử lý an toàn bùn thải bể tự hoại; vận chuyển phân bùn thải bể tự hoại; lập hồ sơ theo dõi định kỳ lượng bùn thải bể tự hoại để xử lý (khối lượng/ dung tích/ số xe chở phân bùn được tiếp nhận, nhật ký theo dõi chế độ vận hành các công trình trong dây chuyền công nghệ xử lý); xử lý bùn thải bể tự hoại phải đảm bảo các quy định về môi trường; các loại khí thải, nước thải, bùn, tro, xỉ phải được phân

tích, quan trắc nhằm đánh giá, theo dõi đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn.

Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại gồm lập hồ sơ quản lý khách hàng (tên chủ hộ/ đơn vị/ số người, địa chỉ, hợp đồng cung cấp dịch vụ, kích thước và dung tích bể tự hoại...); bùn thải bể tự hoại phải được vận chuyển đến khu xử lý tập trung đã được quy hoạch, khuyến khích xử lý bùn thải bể tự hoại tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung; chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và cơ sở sản xuất, kinh doanh trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ; lập nhật ký công tác, hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại (thông tin chung về đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển; số chuyến xe thực hiện dịch vụ thông hút trong ngày/ tháng/ quý; khối lượng bùn bể tự hoại được thông hút và thu gom, loại hình bể tự hoại, lý do thông hút, vị trí đổ thải, chi phí vận chuyển); phải chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra như phát tán, rò rỉ bùn thải gây ô nhiễm môi trường; bùn thải được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật như bền vững cơ học và hóa học khi vận hành, không gây rò rỉ, phát tán bùn ra môi trường.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.baclieu.gov.vn)

Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định về giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND về giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức

có thẩm quyền lập, trình và quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt theo quy định của pháp luật; các đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước sạch sinh hoạt và các khách hàng sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Theo Quy định này, giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với các đô thị, khu công nghiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột như sau: Mức tiêu thụ 10 m³ đầu tiên (SH1) là 5.200 đ/m³; từ trên 10 m³ đến hết 20 m³ (SH2) là 6.500 đ/m³; từ trên 20 m³ đến 30 m³ (SH3) là 8.000 đ/m³; từ trên 30 m³ (SH4) là 10.000 đ/m³.

Đối với thị trấn các huyện Krông Pắc, Ea Kar, Cư Mgar, Ea Hleo, Krông Ana, Krông Năng, thị xã Buôn Hồ (trừ xã Ea Drông) thì giá bán cho mức tiêu thụ 10 m³ đầu tiên (SH1) là 4.500 đ/m³; từ trên 10 m³ đến 20 m³ (SH2) là 5.500 đ/m³; từ trên 20 m³ đến 30 m³ (SH3) là 6.800 đ/m³; từ trên 30 m³ (SH4) là 8.500 đ/m³.

Đối với thị trấn các huyện Krông Bông, Ea Súp, MĐrăk, Lawk, Krông Buk thì giá bán cho mức tiêu thụ 10 m³ đầu tiên (SH1) là 4.200 đ/m³; từ trên 10 m³ đến 20 m³ (SH2) là 5.200 đ/m³; từ trên 20 m³ đến 30 m³ (SH3) là 6.500 đ/m³; từ trên 30 m³ (SH4) là 8.000 đ/m³.

Đối với khu vực nông thôn tại các xã còn lại trên địa bàn tỉnh thì giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho mức tiêu thụ 10 m³ đầu tiên (SH1) là 3.800 đ/m³; từ trên 10 m³ đến 20 m³ (SH2) là 4.800 đ/m³; từ trên 20 m³ đến 30 m³ (SH3) là 6.000 đ/m³; từ trên 30 m³ (SH4) là 7.500 đ/m³.

Đối với hộ dân cư tiêu thụ nước sạch sinh hoạt mà chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ thì tạm thời áp dụng mức thu khoán theo mức tiêu thụ cho một người là 4 m³/tháng, trường hợp không tính được theo người thì tính

theo hộ dân cư sử dụng là 16 m³/tháng theo giá tiêu thụ ở mức SH2.

Trường hợp sinh viên và người lao động thuê nhà ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên) mà chủ nhà là bên mua nước của đơn vị cấp nước, thì cứ 4 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) tính là một hộ sử dụng nước để đơn vị cấp nước áp dụng giá nước sạch sinh hoạt cho bên mua nước. Trường hợp khách hàng sử dụng nước chỉ dùng một đồng hồ đo nước, có hợp đồng sử dụng nước cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau thì đơn vị cấp nước và khách hàng căn cứ tình hình sử dụng nước thực tế để thỏa thuận tỷ lệ nước sử dụng cụ thể cho mỗi loại mục đích, để áp giá nước phù hợp với từng mục đích sử dụng. Nước sạch sinh hoạt cung cấp phải đảm bảo chất lượng nước; giá tiêu thụ nước sạch trên chưa có thuế giá trị gia tăng.

Thực hiện chính sách cấp bù giá nước sạch nông thôn; chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã thuộc vùng III, theo quy định của UBND tỉnh về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Xem toàn văn tại (www.daklak.gov.vn)

Tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định quy định về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 04 tháng 12 năm 2015, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND quy định về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, nguồn kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án. Đối với

các dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, có tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư dưới 10 tỷ đồng thì lập dự toán theo khối lượng công việc thực tế của dự án gửi Sở Tài chính xem xét thẩm định đối với dự án do UBND tỉnh phê duyệt, gửi Phòng Tài chính và Kế hoạch đối với dự án do UBND cấp huyện phê duyệt; căn cứ mức kinh phí cụ thể của từng dự án để xác định kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất không quá 10% kinh phí.

Mức chi như sau: Trích tối đa 4% cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường nhưng không quá 20 triệu đồng/dự án; trích tối đa 2% cho cơ quan Tài chính để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng không quá 15 triệu đồng/dự án.

Nguồn kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các nội dung bao gồm chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến, thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm,... 100.000 đồng/người/lần họp dân; chi cho công tác khảo sát, điều tra, thu thập thông tin, điều tra, khảo sát, kiểm đếm, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi... mức chi 50.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ trụ sở làm việc đến hiện trường dưới 10km, mức chi 70.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ trụ sở làm việc đến hiện trường từ 10 km đến dưới 20 km, mức chi 100.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ 20 km trở lên); chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 50.000 đồng/hộ hoặc hỗ sơ; chi hỗ trợ thông tin liên lạc không quá 200.000 đồng/tháng, hỗ trợ không quá 06 tháng/dự án; chi cho công tác xác định giá đất, công tác thẩm định giá đất cụ thể, giá tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/người/lần họp; chi thuê nhân công thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 144.000 đồng/100 m²; chi thuê văn phòng, trang thiết bị; chi phụ cấp làm thêm giờ vào ngày thường,

ngày nghỉ hàng tuần...

Mức chi thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất bao gồm chi cho công tác công bố, niêm yết công khai, tuyên truyền, vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc với mức chi 50.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ trụ sở làm việc đến hiện trường dưới 10 km, chi 70.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ 10 km đến dưới 20 km, chi 100.000 đồng/ngày/người (trường hợp cự ly đi lại từ 20 km trở lên); chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, các thiết bị, phương tiện y tế; chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện thông báo quyết định cưỡng chế kiểm đếm, thu hồi đất 100.000 đồng/người/ngày; chi họp triển khai thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, thu hồi đất 100.000 đồng/người/ngày; chi phí niêm phong, tháo dỡ, vận chuyển tài sản, di chuyển người bị cưỡng chế ra khỏi khu đất cưỡng chế; chi cho công tác bảo vệ, chống tái chiếm đất...

Đối với các dự án đã được phê duyệt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được ứng trước 30% tổng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp dự án sau khi tiến hành kiểm kê, đo đạc áp giá bồi thường nhưng chưa được phê duyệt hoặc đã có Quyết định phê duyệt bồi thường nhưng phải dừng dự án hoặc thay đổi chủ trương đầu tư được phê duyệt thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được thanh toán phần kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo khối lượng thực tế đã thực hiện. Phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại sẽ được quyết toán sau khi phương án bồi thường được phê duyệt hoặc đã giải quyết xong các vụ việc tranh chấp, khiếu nại (nếu có) theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại
(www.binhduong.gov.vn)**

Nghiệm thu đề tài biên soạn “Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân”

Ngày 31/12/2015 tại Hà Nội, Hội đồng KHCHN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài biên soạn “Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân” do Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn (Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn quốc gia) thực hiện. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo về các kết quả của đề tài, đại diện nhóm tác giả cho biết, Đề tài biên soạn “Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân” gồm 2 nội dung: Hướng dẫn quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh và Hướng dẫn Kỹ thuật quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân.

Về sự cần thiết của Đề tài, báo cáo thuyết minh của Đề tài nêu rõ: Nghĩa trang là một hạng mục hạ tầng xã hội, có lịch sử hình thành từ hàng nghìn năm nay và mang nặng yếu tố phong tục, tập quán, tâm linh của người dân các địa phương, thậm chí là theo gia đình, dòng họ... Chính vì thế, xây dựng nghĩa trang nhân dân phần lớn còn thiếu quy hoạch nên đã gây tác động đến môi trường sống của khu dân cư cũng như ảnh hưởng công tác quy hoạch, phát triển của địa phương.

Tại cuộc họp, sau khi nghe đại diện nhóm tác giả báo cáo nội dung đề tài, các chuyên gia thành viên Hội đồng thẩm định đã đưa ra những nhận xét, góp ý để nhóm tác giả hoàn thiện Dự thảo. Những góp ý tập trung vào việc Hướng dẫn cần đưa ra những chỉ dẫn mở nhằm tạo sự linh hoạt cho các địa phương khi triển khai vận dụng, đồng thời cần dựa trên phong tục mai táng của các địa phương, các dân tộc, vì mỗi dân tộc khác nhau thương có tục mai táng khác nhau.

Đối với quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh, nội dung Hướng dẫn chỉ rõ,



Quang cảnh cuộc họp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, trước khi phê duyệt quy hoạch phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Riêng đối với các đô thị trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố là đơn vị lập quy hoạch nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh, Bộ Xây dựng là cơ quan thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh phải phân định rõ phạm vi, ranh giới lập quy hoạch, dự báo nhu cầu về táng và các hình thức táng cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được áp dụng, đồng thời xác định rõ mô hình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và đánh giá tác động môi trường chiến lược.

Trong khi đó, Hướng dẫn Kỹ thuật quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân được áp dụng để quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân mới, cải tạo và mở rộng nghĩa trang nhân dân trên phạm vi toàn quốc. Hướng dẫn này đưa ra lộ trình và giải pháp cụ thể thực hiện quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh: Lộ trình thực hiện được triển khai theo nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn từ 5 - 10 năm, mỗi giai đoạn nêu cụ thể nội dung các công việc cần làm, thời

gian, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp cũng như lộ trình cải tạo, đóng cửa và di dời nghĩa trang hiện hữu; các giải pháp về vốn, công tác quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch...

Đánh giá cao những nỗ lực của nhóm tác giả trong việc nghiên cứu, thu thập tài liệu thực hiện đề tài theo nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao, Chủ tịch Hội đồng Lê Trung Thành cho biết: Dự thảo đã đưa ra được nhiều nội dung quan trọng nhằm hướng dẫn các địa phương quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân vùng tỉnh, trong đó xác định rõ các bước tổ chức thực hiện cũng như các đơn vị lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch này. Tuy nhiên, Dự thảo cũng còn một số tồn tại, sai sót về câu chữ cần phải được chỉnh sửa, biên tập.

Chủ tịch Hội đồng Lê Trung Thành yêu cầu

nhóm tác giả tiếp thu những ý kiến góp ý của các chuyên gia Hội đồng thẩm định để sớm hoàn thiện Dự thảo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hội đồng thẩm định đã nhất trí nghiệm thu đề tài Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân, với điểm số trung bình 32,82, đạt loại Khá.

Tiếp thu ý kiến góp ý của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định, đại diện nhóm tác giả cho biết sẽ nhanh chóng chỉnh sửa, biên tập và hoàn thiện Dự thảo “Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân” để trình Bộ Xây dựng ban hành.

Trần Đình Hà

Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035

Ngày 7/1/2016 tại Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn. Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ ngành liên quan, các Hội nghề nghiệp, các Cục Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng; đại diện chính quyền địa phương và đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn quốc gia VIUP).

Báo cáo về sự cần thiết lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035, đại diện Sở Xây dựng Bắc Kạn cho biết, Bắc Kạn là trung tâm của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; nằm trên tuyến du lịch quan trọng của quốc gia và quốc tế, với tài nguyên rừng phong phú và nhiều danh lam thắng cảnh (nổi tiếng nhất là Hồ Ba Bể). Tuy nhiên, đặc thù là tỉnh miền núi nên Bắc Kạn còn nhiều khó khăn trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Cuối năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã phê duyệt Đồ án “Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến

năm 2020”, làm nền tảng để định hướng phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn trên địa bàn. Qua gần 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đáng khích lệ, thực tế phát triển vùng tỉnh Bắc Kạn cũng thể hiện nhiều hạn chế cần được kịp thời điều chỉnh. Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 được lập trên cơ sở thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại chỉ thị số 2178/CT-TTg ngày 2/12/2010 “Về việc tăng cường công tác quy hoạch”, và của Bộ Xây dựng tại văn bản số 2454/BXD-KTQH “Về việc rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh”, đồng thời thực hiện mục tiêu xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn phát triển bền vững trên cơ sở khai thác mọi tiềm năng lợi thế sẵn có của địa phương, khắc phục các hạn chế và bất cập hiện nay.

Tại Hội nghị, các nội dung cơ bản của Nhiệm vụ quy hoạch - đánh giá hiện trạng phát triển vùng, xác định tầm nhìn và mục tiêu phát triển vùng, dự báo phát triển, đề xuất phân vùng chức

năng, định hướng tổ chức không gian vùng, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật... được đại diện đơn vị tư vấn trình bày cụ thể.

Theo phân tích của tư vấn, Bắc Kạn có lợi thế lớn là nằm trong hành lang trục Quốc lộ 3 từ Cao Bằng - Thái Nguyên hướng về Thủ đô Hà Nội (cách Hà Nội 170 km), đồng thời nằm trên tuyến vành đai chiến lược quan trọng 279. Cảnh quan đẹp, “sơn thủy hữu tình”, lại là tỉnh thuộc Chiến khu Việt Bắc (ATK), có nhiều di tích lịch sử và cách mạng cấp quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng nên hoàn toàn có cơ sở để khẳng định tiềm năng du lịch sinh thái gắn với du lịch văn hóa - lịch sử của địa phương vô cùng lớn. Bên cạnh đó, với diện tích đất rừng lớn, nhiều tài nguyên khoáng sản với trữ lượng dồi dào, Bắc Kạn có tiềm năng để phát triển một số ngành công nghiệp, nông nghiệp chất lượng cao. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất hiện nay của Bắc Kạn là tồn tại sự chênh lệch lớn về trình độ dân trí giữa các vùng trong tỉnh; đời sống người dân nhìn chung còn khá khó khăn, địa hình của tỉnh chủ yếu là núi rừng, suất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cao sẽ là trở ngại thu hút vốn đầu tư.

Từ các phân tích nêu trên, tư vấn đề xuất xác lập các phân vùng phát triển không gian theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vừa sử dụng hiệu quả các tiềm năng trên địa bàn, và phù hợp với phân vùng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn giai đoạn đến năm 2020 (với mô hình phát triển 1 tâm, 2 tuyến, 3 vùng phát triển).

Hội đồng thẩm định về cơ bản nhất trí với nội dung và sự cần thiết của Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn đến năm 2035. Một số ý kiến như cần bổ sung thêm căn cứ pháp lý (bổ sung nội dung liên quan đến tính chất đặc thù vùng tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 8/7/2013, theo đó Bắc Kạn nằm trong vùng địa bàn chiến lược đặc biệt



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp thẩm định

quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của cả nước; là địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như lũ quét, sạt lở đất, sụt giảm nguồn nước...) để các định hướng, đề xuất của tư vấn bám sát thực tế hơn; Nhiệm vụ cần nêu ra các yêu cầu cụ thể để xác định mối liên kết giữa các khu công nghiệp - nông nghiệp, khu du lịch, các khu vực bảo vệ di sản, khu dự trữ phát triển, và nêu yêu cầu rõ hơn về định hướng phát triển giao thông nội ngoại vùng... được các thành viên Hội đồng tích cực đưa ra thảo luận.

Tổng hợp các ý kiến đóng góp của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng - Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn lưu ý UBND tỉnh Bắc Kạn cần phối hợp chặt chẽ với tư vấn để nghiên cứu hoàn thiện Nhiệm vụ, xác định rõ mối liên hệ vùng giữa Bắc Kạn và các địa phương xung quanh, xác định động lực phát triển (tập trung vào du lịch) và nguồn lực phát triển - đặc biệt là nguồn nhân lực - để đồ án có tính khả thi cao. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn giao cho UBND tỉnh và tư vấn xúc tiến hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo tờ trình, để Bộ Xây dựng có căn cứ trình Thủ tướng phê duyệt Nhiệm vụ, làm cơ sở để sớm triển khai lập Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035.

Lệ Minh

Hội thảo “Hiện trạng, nhu cầu và định hướng quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng”

Ngày 7/1/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam (USAID Việt Nam) tổ chức Hội thảo “Hiện trạng, nhu cầu và định hướng quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng”. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng, Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng; đại diện Bộ Công thương, Sở Xây dựng Hà Nội, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng Hà Nội; đại diện USAID Việt Nam và các chuyên gia Mỹ hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng.

Tại Hội thảo này, các đại biểu tham dự đã trình bày tham luận, chia sẻ thông tin về hiện trạng cũng như nhu cầu xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Theo ông Nguyễn Ngọc Quang - Giám đốc Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng, nhu cầu triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành xây dựng trong thời gian tới là rất cấp thiết, thuộc nhiều lĩnh vực như: Hoạt động xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản, phát triển đô thị, kinh tế xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng... Các hệ thống dịch vụ công trực tuyến như cấp giấy phép xây dựng, công nhận/ công nhận bổ sung phòng thí nghiệm, cấp phép thầu cho nhà thầu nước ngoài, cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

Trước nhu cầu lớn trong việc xây dựng các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng, ông Nguyễn Ngọc Quang đã đề xuất các giải pháp để triển khai thực hiện, trong đó nhấn mạnh đến những giải pháp về tài chính, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật cũng như biện pháp phối hợp với các cơ quan chuyên trách về công



Quang cảnh hội thảo

nghệ thông tin trong nước nhằm tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu mô hình ứng dụng, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, các dịch vụ công trực tuyến để triển khai ứng dụng tại Bộ Xây dựng...

Bên cạnh những đánh giá năng lực về thu thập, xử lý và nhu cầu quản lý cơ sở dữ liệu trong ngành Xây dựng, các chuyên gia tham dự hội thảo cũng nêu lên thực trạng và nhu cầu quản lý cơ sở dữ liệu về hiệu quả năng lượng công trình xây dựng tại Hà Nội, hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hiệu quả năng lượng công trình xây dựng của Hoa Kỳ (SEED) và đưa ra những đánh giá về thực trạng công tác quản lý cơ sở dữ liệu trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tại Việt Nam... Theo các chuyên gia, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng là đặc biệt cần thiết và cần sớm được triển khai trên toàn quốc.

Ông Nguyễn Văn Long, đại diện Văn phòng Tiết kiệm năng lượng Bộ Công thương cho biết: Việc thực hiện cơ sở dữ liệu và tiết kiệm hiệu quả hiện nay còn gặp nhiều thách thức do nhận thức của các doanh nghiệp còn thấp, việc khai báo số liệu chưa minh bạch, các doanh nghiệp

là đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm chưa thực hiện hết nghĩa vụ theo quy định, người quản lý năng lượng tại đơn vị chưa đủ năng lực để thực hiện báo cáo. Bên cạnh đó, Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn thiếu năng lực tổng hợp và hướng dẫn đơn vị thực hiện, chưa có phòng chức năng chuyên biệt để quản lý và chưa kết nối hiệu quả với các Sở liên quan theo quy định.

Ông Long cũng kiến nghị những định hướng phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong thời gian tới, trong đó tập trung chỉnh sửa lại cấu trúc nhập thông tin báo cáo hàng năm, tạo điều kiện để đơn vị dễ dàng nhập liệu, kiểm tra, vận hành; tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo toàn quốc để tăng cường, nâng cao năng lực quản lý cho Sở Công thương các địa phương; kết hợp thêm dữ liệu của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để xây dựng hệ thống dữ liệu hoàn chỉnh có thể vận hành và theo dõi hiệu quả, góp phần cung cấp số liệu xây dựng định hướng chính sách vĩ mô...

Phát biểu tại hội thảo, ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng cho biết, quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong

các công trình xây dựng là một trong những nội dung quan trọng đang được Bộ Xây dựng tích cực triển khai với sự hỗ trợ của USAID Việt Nam. Để quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng được hiệu quả, Bộ Xây dựng rất chú trọng đến sự phối hợp của Bộ Công thương, các Sở Xây dựng địa phương cũng như các đơn vị chuyên về tiết kiệm năng lượng trong việc cung cấp, chia sẻ các thông tin cần thiết phục vụ các yêu cầu công việc đặt ra.

Hội thảo “Hiện trạng, nhu cầu và định hướng quản lý cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng” là một trong những hoạt động nằm trong khuôn khổ “Chương trình năng lượng sạch USAID Việt Nam”. Chương trình nhằm hỗ trợ Bộ Xây dựng thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng Xanh thông qua nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong ngành Xây dựng, đẩy mạnh thực hiện áp dụng Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia Các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả (QC09:2013), xúc tiến các công trình hiệu năng cao và công trình xanh.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định các Đề án đề nghị nâng loại đô thị của tỉnh Bến Tre

Ngày 13/1/2016 tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, được sự ủy quyền của Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng Đỗ Viết Chiến đã chủ trì Hội nghị thẩm định các Đề án đề nghị công nhận thị trấn Ba Tri mở rộng (huyện Ba Tri) và thị trấn Bình Đại mở rộng (huyện Bình Đại) của tỉnh Bến Tre là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị có ông Trương Duy Hải - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre; đại diện lãnh đạo các Sở, ngành của tỉnh Bến Tre, lãnh đạo các huyện Ba Tri và Bình Đại.

Báo cáo về Đề án đề nghị công nhận thị trấn

Ba Tri mở rộng là đô thị loại IV, Phó Chủ tịch UBND huyện Ba Tri - ông Dương Văn Chương cho biết: Thị trấn Ba Tri mở rộng có tổng diện tích tự nhiên hơn 753 ha, gồm thị trấn Ba Tri hiện hữu, một phần khu vực dân cư tập trung của các xã An Đức, Vĩnh An và An Bình Tây, có vai trò là đô thị huyện lỵ - trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội - du lịch và dịch vụ công nghiệp của huyện Ba Tri, đồng thời là trung tâm kinh tế tiểu vùng phía đông tỉnh Bến Tre. Trong những năm gần đây, kinh tế trên địa bàn phát triển khá năng động. Với những đặc sản vùng



Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Đỗ Việt Chiến chủ trì Hội nghị



Phó Chủ tịch tỉnh Bến Tre Trương Duy Hải phát biểu tại Hội nghị

sông nước ven biển, nhiều danh thắng để phát triển du lịch văn hóa và du lịch sinh thái (đền thờ Nguyễn Đình Chiểu, đền thờ Võ Trường Toản, sân chim Vân Hồ, khu lạc địa Phú Lễ...), Ba Tri thu hút hàng ngàn lượt khách du lịch, khách tham quan mỗi năm, mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách.

Được sự quan tâm của chính quyền các cấp, Ba Tri đã và đang tập trung xây dựng, phát huy các tiềm năng thế mạnh của địa phương, đạt được nhiều chuyển biến đáng khích lệ về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, cải thiện đời sống cho nhân dân. Nhiều dự án mới đang được triển khai xây dựng như khu đô thị mới Việt Sinh, An Bình, khu dân cư Cánh Đồng Bé, cụm công nghiệp An Đức, nhà máy nước Tân Mỹ, khu nghỉ dưỡng... khiến diện mạo thị trấn đổi thay từng ngày. Căn cứ và các tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định số 42, thị trấn Ba Tri mở rộng về cơ bản đã hội tụ đủ điều kiện để được công nhận là đô thị loại IV.

Về Đề án đề nghị công nhận thị trấn Bình Đại mở rộng là đô thị loại IV, Chủ tịch UBND huyện Lê Văn Răng cho biết, thị trấn Bình Đại mở rộng có diện tích hơn 1.383 ha, gồm thị trấn Bình Đại hiện hữu và một phần diện tích các xã Bình Thắng, Bình Thới. Bình Đại là thị trấn huyện lỵ có vị trí quan trọng, là đầu mối giao

thông đường thủy, đường bộ của vùng ĐBSCL và tỉnh Bến Tre, là đô thị vùng kinh tế biển của tỉnh. Trong những năm qua, kinh tế xã hội của thị trấn có những bước tiến nhanh, mạnh và vững chắc trong các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế biển, thương mại dịch vụ và du lịch; tốc độ đô thị hóa tăng nhanh. Hiện tại, cơ sở hạ tầng trên địa bàn đã tương đối hoàn chỉnh, mật độ dân cư đông đúc. Bên cạnh những khu đô thị mới, khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp dự kiến sẽ được đầu tư xây dựng, chính quyền các cấp rất quan tâm đầu tư nhằm cải tạo, nâng cấp và xây mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị như cải tạo khu nhà ở ven sông Cửa Đại và dọc hai bên Tỉnh lộ 883; nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Bình Đại; bố trí lại mạng lưới giao thông hợp lý, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trên một số tuyến đường trực tiếp các khu vực tập trung dân cư; xây dựng khu công viên văn hóa và khu đô thị Bà Nhứt, khu dân cư và tái định cư xóm Hàng Còng... Tới nay, thị trấn Bình Đại mở rộng đã đủ điều kiện để được xét công nhận là đô thị loại IV, xét theo 49 tiêu chí thuộc 06 nhóm chỉ tiêu quy định trong Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị, và theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng; trong đó nhiều chỉ tiêu rất ấn tượng - thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn năm 2014 xấp xỉ 1.600 USD, bằng 0,79 lần mức bình quân cả nước; mức tăng trưởng kinh tế

trung bình 03 năm gần đây đạt 14,31%; thu chi ngân sách năm 2014 cân đối dư.

Đánh giá về hai Đề án, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị, các ý kiến phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng nhìn chung rất đồng tình với việc nâng loại cho cả hai thị trấn của tỉnh Bến Tre. Việc nâng loại hoàn toàn phù hợp với hiện trạng phát triển của các địa phương, đáp ứng chương trình phát triển hệ thống đô thị trong toàn tỉnh Bến Tre, đồng thời phù hợp với Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1659/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng đóng góp thêm một số ý kiến có tính chất định hướng cho mỗi địa phương trong việc triển khai các công việc tiếp theo sau khi được công nhận là đô thị loại IV. Các ý kiến tập trung vào vấn đề nâng cao hơn nữa chất lượng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng đô thị, gia tăng đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí, các thiết chế văn hóa nhằm nâng cao đời sống người dân một cách toàn diện cả về vật chất và tinh thần.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định Đỗ Viết Chiến

nhất trí với ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng, công nhận thị trấn Ba Tri mở rộng và thị trấn Bình Đại mở rộng đạt chuẩn đô thị loại IV; tuy nhiên cũng lưu ý cả hai Đề án vẫn còn thể hiện một số tiêu chí đạt thấp hoặc chưa đạt cần nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới đây. Để Ba Tri và Bình Đại phát triển bền vững, tỉnh và các địa phương cần tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác chỉnh trang đô thị, tuyên truyền giáo dục nếp sống văn minh đô thị cho người dân. Đặc biệt, cần chú trọng vấn đề giao thông đô thị, ứng phó biến đổi khí hậu (nhất là tình trạng ngập mặn của vùng duyên hải), từ đó xây dựng chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý đô thị phù hợp. Thay mặt Hội đồng thẩm định, ông Đỗ Viết Chiến bày tỏ hy vọng: cùng với thành phố Bến Tre đã được công nhận là đô thị loại III, các thị trấn sau khi được nâng loại sẽ tạo thành tam giác phát triển mạnh mẽ hơn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre và của cả vùng ĐBSCL.

Lệ Minh

Công nghệ mới trong xây dựng nền móng công trình

Lịch sử xây dựng của loài người đã biết tới móng cọc từ hơn 1200 năm trước, khi những người dân của thời kỳ đồ đá mới tại vùng đất Scandnavi biết sử dụng các cọc gỗ cắm xuống các hồ nông để xây dựng nhà trên các hồ cạn. Cũng trong thời kỳ này, con người đã biết đóng các cọc gỗ xuống các đầm lầy để chống lại kẻ thù; đóng các cọc gỗ để làm tường chắn đất, dùng thân cây, cành cây để làm móng nhà... Ngày nay, cùng với tiến bộ về khoa học kỹ thuật nói chung, móng cọc ngày càng được cải tiến, hoàn thiện, đa dạng về chủng loại cũng như phương pháp thi công, phù hợp với yêu cầu cho từng loại công trình. Sự phát triển của công nghệ chế tạo cọc đã liên tục cho ra đời các kiểu cọc mới; mở ra triển vọng lớn cho việc thiết kế

móng cọc nhà/ công trình, đặc biệt các tòa nhà/ công trình cao tầng; đồng thời mang lại nhiều lựa chọn cho các nhà thiết kế. Cọc bê tông cốt thép loại cọc đúc sẵn được đóng xuống lòng đất để chịu lực đứng hay lực ngang.

Móng cọc bê tông cốt thép khi được sử dụng hợp lý đối với các công trình chịu tải trọng lớn (mà lớp đất tốt nằm dưới sâu, đất nền yếu) sẽ giúp giảm được biến dạng lún và lún không đều. Móng cọc cũng giúp làm tăng tính ổn định cho các công trình có chiều cao lớn, tải trọng ngang lớn như các nhà cao tầng, nhà tháp... Móng cọc bê tông cốt thép với nhiều phương pháp thi công đa dạng như: cọc đóng, cọc ép, cọc khoan nhồi có thể sử dụng làm móng cho các công trình có điều kiện địa chất, địa hình

phức tạp mà các loại móng nông không đáp ứng được (như vùng có nền đất yếu hoặc công trình trên sông...). Phạm vi sử dụng móng cọc bê tông cốt thép rất lớn - từ xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp đến các công trình cầu đường, thủy điện và thủy lợi...

Cuối tháng 10/2015 vừa qua tại Moskva, trong khuôn khổ Triển lãm Mosbuild 2015, các công ty Junttan, Elematic, Leimet và Inspecta (các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực máy xây dựng và vật liệu xây dựng) đã tổ chức hội thảo giới thiệu các giải pháp sản xuất cọc bê tông cốt thép xây móng. Những giải pháp cải tiến mà các công ty giới thiệu tại hội thảo không chỉ tạo khả năng đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng, mà còn bảo đảm chất lượng và đặc tính sinh thái cao của sản phẩm cọc móng.

Giải pháp công nghiệp dành cho móng cọc, còn gọi là IPS (Industrialized Piling Solution) là tổ hợp các công nghệ xây móng - từ việc chế tạo cọc móng đầu tiên cho tới khi thử nghiệm kết cấu hoàn thiện. Việc ứng dụng tổ hợp IPS bao gồm những giải pháp công nghệ đạt chất lượng cao do 4 công ty đề xuất sẽ đạt hiệu quả lớn và đẩy nhanh tiến độ thi công móng, từ đó rút ngắn thời gian thi công toàn bộ công trình ở mức độ đáng kể.

Các đại biểu tham dự hội thảo đã được nghe trình bày và sau đó tham quan thực tế dây chuyền công nghệ sản xuất cọc bê tông cốt thép Elematic - dây chuyền hiện đại cho phép sản xuất cọc móng bê tông cốt thép các loại tương thích với mọi điều kiện đất nền: trên 08 nhánh dây chuyền song song có thể đồng thời đổ khuôn các cọc có kích thước khác nhau. Công suất của các dây chuyền đạt tới 03km cọc mỗi ngày. Chi phí nhân công ở mức tối thiểu - để kiểm tra giám sát công việc và điều hành toàn bộ hệ thống dây chuyền sản xuất chỉ cần tối đa 10 người.

Công nghệ đóng và gia cố cọc đạt hiệu quả cao của công ty Leimet hoàn toàn mới và trước đây chưa được ứng dụng tại Liên bang Nga.

Theo "So sánh về mặt kinh tế - kỹ thuật các công nghệ của Leimet về gia tăng độ dài cho cọc bê tông với các công nghệ đang được áp dụng tại Nga" (tài liệu do trường Đại học Bách khoa quốc gia Saint Peterburg vừa ban hành), việc áp dụng công nghệ Leimet cho phép giảm giá thành sản xuất cọc cũng như đóng cọc khá nhiều. Cụ thể: giá để thi công đóng một cọc bê tông cốt thép đường kính 400 x 400, chiều dài 24 m với 01 liên kết nếu áp dụng các công nghệ tiêu chuẩn ước tính xấp xỉ 21 nghìn rúp (khoảng 302 euro); còn nếu áp dụng công nghệ Leimet, ước tính chỉ khoảng hơn 10 nghìn rúp (tương đương hơn 140 euro). Bên cạnh đó, công nghệ đóng cọc tiêu chuẩn không thể bảo đảm 100% chất lượng liên kết các cọc với nhau. Công nghệ Leimet sẽ bảo đảm cường độ cho các liên kết, qua đó cho phép giảm thời gian cần thiết cho mỗi liên kết (từ 5 đến 10 phút, thay vì 30 phút để thực hiện hàn nối).

Trong tổ hợp công nghệ IPS bao gồm cả trang thiết bị của Junttan - các máy khoan cọc và búa thủy lực. Việc ứng dụng các thiết bị này cho phép bảo đảm hiệu quả tối đa khi đóng cọc - xét về cả thời gian và chi phí lao động - vì trên thực tế, gần như toàn bộ năng lượng của búa (khoảng 95%) được truyền sang cọc và tiêu hao dần theo độ sâu cọc được đóng. Ngoài ra, thiết bị Junttan ít gây tiếng ồn và rung chấn, đồng thời ít thải khí độc hại hơn so với các thiết bị truyền thống cùng loại. Với công nghệ của Junttan, trước khi cọc được đóng đại trà, các nhà xây dựng đóng thử cọc và thí nghiệm cọc bằng các tải trọng động, tải trọng tĩnh, từ đó điều chỉnh và lập biện pháp, quy trình đóng cọc thích hợp. Sau khi lắp dựng cọc vào giá búa, bước tiếp theo sẽ tiến hành chỉnh vị trí của cọc vào tọa độ thiết kế, ngắm cọc bằng hai thiết bị đo độ đặt vuông góc với nhau và cùng hướng vào cọc. Với đất yếu và cọc nặng, cần đưa cọc xuống dần và đúng hướng; vừa đóng vừa đo độ lún theo từng đợt để xác định độ chối. Đóng cọc với cường độ tăng dần. Việc đóng cọc được coi

là hoàn thành khi cả 02 điều kiện sau đây được đáp ứng: Chiều dài cọc đóng sâu trong lòng đất dài hơn chiều dài tối thiểu do thiết kế quy định, trừ trường hợp được sự chấp thuận của thiết kế; độ chối khi đóng cọc phải nhỏ hơn hoặc bằng độ chối thiết kế. Đặc biệt, đóng cọc trong vùng đất đàn hồi thì thường xảy ra hiện tượng các cọc đóng trước bị nổi lên. Khắc phục tình trạng này, Junttan đưa ra những loại búa có tần suất lớn (búa diesel). Ứng dụng loại búa này còn tránh được hiện tượng độ chối giả tạo.

Mất xích hoàn thiện tổ hợp công nghệ IPS do công ty Inspecta đề xuất - đó là các phương pháp thử nghiệm, chứng nhận và kiểm tra giám sát chất lượng các quy trình sản xuất nhằm phát hiện kịp thời các hỏng hóc có thể xảy ra trong toàn bộ kết cấu. Điều này cũng cho phép giảm đáng kể thời gian và vật lực cần thiết để sửa chữa các hỏng hóc này, đảm bảo mức an toàn cao cho công trình. Inspecta giới thiệu tại

hội thảo các dụng cụ thí nghiệm để bên kỹ thuật thi công và đơn vị thiết kế kiểm tra sức kháng của đất nền khi đóng cọc và độ chối khi ngừng đóng. Đặc điểm gia tăng khả năng chịu lực của cọc sau một thời gian đóng cũng được các chuyên gia Inspecta chú trọng (thời gian này có thể là 3 - 5 ngày đối với đất cát; và tới 10 - 20 ngày nếu là á sét). Do đặc điểm này, nên độ chối được các chuyên gia Inspecta đề xuất đo sau thời điểm cọc được nghỉ. Độ chối đo lần sau là độ chối chính thức để các nhà xây dựng so sánh với độ chối theo thiết kế, và được đo bằng sản phẩm của công ty là máy thủy bình, thước đo, cùng một số thiết bị chuyên dụng khác.

V. Aleksey

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga
(tháng 11/2015)*

ND: Lê Minh

Công nghệ cải tiến trong cách nhiệt cho tòa nhà - Thủy tinh bọt

Thủy tinh bọt là loại vật liệu được sử dụng nhiều cho các tòa nhà/ công trình có các yêu cầu cao về cách nhiệt. Nhờ những đặc tính ưu việt, thủy tinh bọt giúp giảm sự thất thoát nhiệt xuống mức tối thiểu, nhờ đó giảm được giảm chi phí sưởi ấm tòa nhà/ công trình.

Thủy tinh bọt có nhiều ưu điểm hơn nhiều loại vật liệu cách nhiệt khác như rất khó bắt lửa, không bị biến dạng trong các trường hợp hỏa hoạn lớn, không thấm thấu hơi nước và nước. Điều đặc biệt quan trọng là thủy tinh bọt duy trì các đặc tính của mình trong suốt thời hạn vận hành khai thác của tòa nhà/ công trình. Trong ngưỡng nhiệt độ từ -260°C tới $+430^{\circ}\text{C}$, cấu trúc thủy tinh bọt hầu như không biến đổi, đồng nghĩa với việc các đặc tính rất giá trị của thủy tinh bọt được bảo toàn. Cấu trúc này là "vật bảo đảm" cho sự ổn định các chỉ số của thủy tinh bọt và tuổi thọ của vật liệu. Thủy tinh bọt được

cấu tạo từ những khối bọt thủy tinh hình cầu kín chứa đầy khí. Đường kính của các khối cầu này khoảng 0,5 - 1 mm.

Thủy tinh bọt được phát triển từ năm 1938, và đến thập kỷ 50 thế kỷ XX, đã được ứng dụng rộng rãi vào các công trình xây dựng trên khắp thế giới. Vật liệu này được áp dụng hiệu quả cho các kết cấu bao che của công trình với đầy đủ các chức năng như sau: Tiết kiệm năng lượng qua việc giảm nhu cầu tiêu thụ nhiệt năng để sưởi ấm hoặc giữ nhiệt cho các tòa nhà/ công trình, cho phép giảm chi phí sử dụng năng lượng; thiết lập khu vực tiểu khí hậu trong lành trong phòng; tính sinh thái của vật liệu được ứng dụng. Thủy tinh bọt không có trong thành phần các chất độc hại, do đó không thải khí độc ra môi trường xung quanh.

Ví dụ điển hình cho việc ứng dụng thành công thủy tinh bọt trong lĩnh vực xây dựng là

thành phố Frankfurt am Main (CHLB Đức). Tại đây, hơn 40% các ngôi nhà được xây dựng có ứng dụng thủy tinh bọt làm vật liệu cách nhiệt; phần lớn trong số đó sử dụng vật liệu này cho toàn bộ công trình - từ móng, tường đến mái nhà, thậm chí mái đua.

Do những tính năng nổi trội, thủy tinh bọt nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường vật liệu cách nhiệt của thế giới, nhất là các nước Đông Âu, trong đó có Liên Xô. Trong nửa cuối thế kỷ XX, tại Liên Xô đã có bốn nhà máy chuyên sản xuất bọt xốp thủy tinh. Tuy nhiên, tới cuối thế kỷ XX, các nhà máy này lần lượt phải đóng cửa hoặc chuyển đổi sản xuất, chủ yếu do là công nghệ lạc hậu, chi phí sản xuất cao, hiệu quả kinh tế thấp. Thị phần vật liệu cách nhiệt từ thủy tinh bọt tại Nga chỉ thực sự khởi sắc với sự góp mặt của Tập đoàn FOAMGLAS.

Có thể tóm tắt công nghệ chế tạo thủy tinh bọt truyền thống như sau: Kính natri canxi silicat được nghiền nát đến kích thước hạt 80 micron, được trộn với chất tạo bọt hoặc một số loại carbonate, sau đó đưa vào các khuôn thép chịu nhiệt để xử lý nhiệt. Ở nhiệt độ 750°C - 850°C, các hạt thủy tinh sẽ kết dính, tạo thành khối có đủ các điều kiện về độ nhớt và độ dẻo. Khối xốp vừa được tạo bọt được làm lạnh, ủ và cắt theo hình dạng sản phẩm mong muốn. FOAMGLAS giới thiệu công nghệ cải tiến với thành quả là sản phẩm Foamglass T3. Công nghệ cải tiến cho phép sử dụng vật liệu như một lớp giữ nhiệt đạt hiệu quả rất cao. Với việc lựa chọn đặc biệt các nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đạt được cường độ 45 kg/cm²; có thể ứng dụng như một loại vật liệu tường, giúp giảm chi phí vật liệu cách nhiệt tường.

Vật liệu cải tiến Foamglass T3 - trong thành phần có trên 66% thủy tinh nhôm - silic đã qua xử lý, cùng với các thành phần khác như cát, vôi và dolomit - đã được kiểm nghiệm và chứng tỏ các đặc tính ưu việt qua một số công trình xây dựng, cao ốc văn phòng tại Moskva mới (ngoài đường vành đai M4 và M5 của Thủ đô). Đó là:

Cường độ cao, thời gian khai thác sử dụng có thể trên 50 năm; không bắt lửa (tương thích với cấp độ 0 theo GOST 30244 - 94 “Vật liệu chịu lửa”); các chỉ số hấp thụ nước thấp (không lớn hơn 0,5 kg/m³); độ thấm thấu bằng 0; đặc tính an toàn sinh thái cao, vật liệu không phát thải, cũng không hấp thụ các chất khí độc hại, vì có thủy tinh trong thành phần; môi trường vô cơ của vật liệu không thu hút các loài gặm nhấm, đồng thời cũng không tạo điều kiện để nấm mốc phát sinh; phạm vi sử dụng các kết cấu cách nhiệt khá rộng: mái nhà, mặt dựng (mặt tiền), tường bao, vách ngăn, móng; tuổi thọ cao qua các đặc tính kỹ thuật của vật liệu được duy trì trong rất nhiều năm sau. Foamglas T3 có thể được coi là bước tiến lớn trong lĩnh vực sản xuất vật liệu cách nhiệt từ thủy tinh bọt, bởi vì trong cấp phối của vật liệu luôn đạt được chỉ số truyền nhiệt D nhỏ hơn hoặc bằng 0,039 w/(m*K), trong khi các tính chất khác của vật liệu vẫn được duy trì ở mức cao.

Một sản phẩm khác của FOAMGLAS là gạch bọt thủy tinh chịu acid (borosilicate glass block) - gạch xây được làm từ thủy tinh bọt có khả năng kháng hóa chất, chống ăn mòn và cách nhiệt. Do thủy tinh borosilicat bọt chứa chất kháng kiềm, đặc biệt có thể chống ăn mòn acid rất mạnh (ngâm trong dung dịch acid sulfuric 40% trong 30 ngày hoặc lâu hơn ở nhiệt độ phòng thí nghiệm mà không hề bị biến dạng); cường độ nén tối thiểu 1,5 MPa; không thấm thấu; chịu nhiệt rất tốt trong ngưỡng -196°C đến +450°C nên sản phẩm được ứng dụng rất hiệu quả trong việc xây ống khói cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, nhà máy giấy.

A. Kilichenko

Giám đốc truyền thông Tập đoàn

Foamglas – chi nhánh tại Nga

Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng, Thiết bị & Công nghệ thế kỷ XXI (Nga) tháng 10/2015

ND: Lê Minh

Công nghệ tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải xây dựng ở Liên bang Nga

Rác xây dựng gồm có các loại chất thải hình thành trong quá trình thực hiện công tác sửa chữa, xây dựng và phá dỡ. Chất thải xây dựng (CTXD) gồm có gạch vỡ, vật liệu gỗ đã qua sử dụng, các tông thạch cao, vữa trát, mảnh bê tông vỡ, mảnh kim loại, phần còn lại của các loại sơn.

Các loại VLXD được xử lý lần thứ hai gồm có giấy, sắt, asphalt, chất dẻo, thủy tinh, nhôm, các loại vải và các loại chất thải công nghiệp và xây dựng khác.

Tái sử dụng và khử độc CTXD là vấn đề cấp thiết trong lĩnh vực bảo vệ bầu khí quyển trên thế giới, còn rác thải từ các công trường xây dựng, từ các căn hộ và văn phòng phát sinh sau khi tiến hành công tác trang trí và sửa chữa lớn đều mang các đặc tính riêng biệt. Với sự hỗ trợ của công nghệ chuyên dụng mới các loại chất thải nêu trên đều có thể được xử lý thành vật liệu mới.

Trong quá trình tái sử dụng CTXD cần xét đến kích thước và khả năng xử lý rác. Ngoài CTXD còn có các loại chất thải từ các cơ sở công nghiệp, cơ sở sản xuất kể cả chất thải sinh hoạt sau đây được gọi là chất thải sinh hoạt rắn (CTSHR).

Hiện nay, tại phần lớn các đô thị lớn ở nước Nga, việc vận chuyển và tái sử dụng CTSHR được thực hiện theo quy trình, đó là xác định vị trí khu đất sử dụng làm bãi chôn lấp rác sau đó tất cả chất thải của đô thị được vận chuyển ra bãi chôn lấp rác. Hàng năm các đô thị ở nước Nga được mở rộng thêm do sự tăng số dân kéo theo đó lượng rác cũng tăng một cách nghiêm trọng. Các bãi chôn lấp rác cũ cần đóng cửa do không còn khả năng chôn lấp. Do vậy các khu đất mới được trưng dụng làm bãi chôn lấp rác. Quy trình trên diễn ra một cách liên tục đòi hỏi giải quyết vấn đề tái sử dụng rác bằng các phương pháp thích hợp. Nước Nga rộng lớn,

thiên nhiên đa dạng và phong phú. Tất cả các tiềm năng to lớn đó cần phải được giữ gìn cho các thế hệ sau và không để đất nước bị biến thành những bãi rác. Ngày nay vấn đề này đang cấp thiết trên khắp thế giới và nhiều nhà khoa học đã bắt đầu xúc tiến nghiên cứu vấn đề trên. Vấn đề đó được xem là chưa giải quyết được cho đến khi tìm được phương pháp tái sử dụng CTSHR hiệu quả, rẻ và không độc hại.

Tại các đô thị nước Nga cách ứng xử với CTSHR chủ yếu dựa trên phương pháp chôn lấp tại bãi rác. Phương pháp chôn lấp CTSHR có nhiều nhược điểm như chi phí cao, gây thiệt hại cho môi trường sống do tài nguyên thiên nhiên bị mất đi mà không tái tạo được. Trong khi đó các tài nguyên trên vẫn còn hữu ích.

Trong quá trình đốt CTSHR, các bãi rác của đô thị thải ra các loại khói chứa độc tính cao có khả năng gây ung thư. Hiện nay tại LB Nga và các nước trên thế giới, phương pháp tái sử dụng CTSHR đã và đang được đặc biệt quan tâm.

Các phương pháp tái sử dụng CTSHR gồm có: Đốt tại các nhà máy đốt rác, ủ kỵ khí nhiệt sinh học, lưu giữ tại bãi rác, chôn lấp và xử lý.

Với phương pháp ủ kỵ khí nhiệt sinh học, CTSHR được khử độc và chuyển hoá thành phân bón. Đây là loại phân hữu cơ chứa các chất kali, phospho, ni tơ và nguyên tố vi lượng. Các chất trong thành phần của CTSHR được tham gia vào quá trình tuần hoàn vật chất (quá trình thiên nhiên) trong sinh quyển. Bên cạnh đó, phương pháp khử độc nêu trên mới chỉ thích hợp cho các loại chất thải hữu cơ, chất dẻo. Nhược điểm chủ yếu và cơ bản của phương pháp là sản phẩm phân bón có chứa kim loại nặng khiến phương pháp bị hạn chế sử dụng trong tái sử dụng CTSHR.

Quá trình ủ phân có sự tham gia của các vi sinh vật kỵ khí là một phương pháp xử lý chất thải hữu cơ bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu

cao về sạch sinh thái. Các vi sinh vật thông qua phương thức sống của chúng đẩy nhanh quá trình di chuyển của dòng không khí đi vào đất.

Lưu giữ CTSHR tại bãi rác là phương pháp khử độc đang được áp dụng phổ biến nhất hiện nay tại LB Nga. Phương pháp tái sử dụng CTSHR này đòi hỏi vận chuyển chất thải đến các khu đất dành riêng cho việc lưu giữ chất thải và được gọi là các bãi rác. Phương pháp trên là một trong các cách tái sử dụng CTSHR bảo đảm các yêu cầu kinh tế. Việc vận chuyển chất thải ra các bãi rác lộ thiên được áp dụng đối với chất thải là vải, gỗ, đất, rác hữu cơ, các tông và các loại chất thải công nghiệp và xây dựng khác. Nước mưa và nước tuyết tan chảy ngấm qua lớp CTSHR chiều dày lên đến vài chục mét, tách lấy các chất độc hại hoà tan và tạo thành dòng nước thải của bãi rác. Đất sét và á sét ngăn chặn sự thâm nhập của nước thải này vào lớp đất có chứa nước ngầm. Do vậy trước khi chôn lấp CTSHR và chất thải công nghiệp rắn cần tiến hành phân loại. Việc làm này là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho rác mục nát và chuyển hoá thành đất.

Thời gian khai thác bãi chôn lấp rác trung bình vào khoảng 14 - 25 năm. Điều kiện cơ bản được sử dụng cho việc lựa chọn khu đất làm bãi chôn lấp rác là bảo đảm khoảng cách tối thiểu đến công trình nhà ở đạt không dưới nửa km và cách đường giao thông có lớp áo đường cứng không quá nửa km.

Việc tái sử dụng CTSHR tại nhà máy đốt rác đòi hỏi vận chuyển và sau đó thực hiện quy trình tái sử dụng chất thải công nghiệp sinh hoạt bằng cách đốt trên nhiệt độ 800°C - 900°C. Việc đốt chất thải được tiến hành trong lò chuyên dụng. Các loại lò đốt rác không ngừng được hoàn thiện nhằm mục tiêu giảm đến mức nhỏ nhất lượng chất độc hại thải ra môi trường. Cùng với việc sử dụng phương pháp nêu trên, lượng chất thải giảm nhiều lần. Bằng cách thức nêu trên lượng rác lưu giữ tại các bãi rác giảm từ hàng chục đến hàng trăm lần và còn sản xuất



Xe vận chuyển rác

thêm năng lượng. Nhược điểm chủ yếu và cơ bản của phương pháp trên là thải ra môi trường một lượng lớn chất độc hại trong quá trình cháy. Các sản phẩm hình thành từ quá trình đốt cháy rác chất dẻo là đặc biệt kém an toàn do phát sinh các hợp chất có đặc tính độc hại cao. Do vậy, phương pháp trên được sử dụng cho quá trình vận chuyển và xử lý rác hữu cơ và vô cơ đã qua quá trình tuyển chọn do vậy không chứa các hợp chất không an toàn.

Tại LB Nga, việc chôn lấp rác xây dựng và sinh hoạt được thực hiện thông qua vận chuyển rác ra các bãi rác ngầm có kích thước giới hạn. Các bãi chôn lấp ngầm được trang bị lớp nền có khả năng chống thấm nước nhằm bảo vệ đất và nước ngầm không bị nhiễm các sản phẩm độc hại từ quá trình phân rã. Hình thức chôn lấp nêu trên thích hợp cho việc tái sử dụng lại đất bị ô nhiễm, CTSHR và chất thải công nghiệp, rác xây dựng.

Ở LB Nga, việc xử lý rác bao gồm việc vận chuyển, phân loại và xử lý nhằm tái sử dụng rác công nghiệp, rác xây dựng và đất. Các loại vật liệu phù hợp với loại hình xử lý nêu trên gồm có chất dẻo, giấy loại, thủy tinh, kim loại vụn, hoá chất, linh kiện điện tử, gỗ.

Trước thập niên 1990, hệ thống Ủy ban Nhà nước Cung ứng vật tư - kỹ thuật của Liên Xô đã sử dụng hệ thống đánh giá thống kê và xử lý nguyên liệu cấp hai. Trước đây, việc sử dụng vật liệu cấp hai được xem là một hướng tiết

kiệm nguyên liệu, năng lượng có triển vọng. Sau khi nền kinh tế nước Nga chuyển sang vận hành trong điều kiện thị trường vào đầu thế kỷ 21, các phương pháp cũ vẫn còn được sử dụng do đã không có các điều kiện nhằm khuyến khích hoạt động thu gom và sử dụng nguyên liệu cấp hai. Các xí nghiệp chuyên xử lý vật liệu cấp hai nay chuyển đổi thành công ty cổ phần và dần dần chuyển sang thực hiện các loại hình sản xuất khác có nhiều triển vọng hơn. Điều đó dẫn đến tình trạng giảm mạnh các hoạt động thu gom và sử dụng vật liệu cấp hai.

Chất thải được chia ra 2 nhóm sau:

- CTSHR là các đối tượng vật chất đã bị mất các đặc tính sử dụng của nó và không còn thích hợp cho việc tiếp tục sử dụng;

- Chất thải sản xuất hình thành sau quá trình xử lý các loại vật liệu có nguồn gốc thiên nhiên và nhân tạo. Loại chất thải này tồn tại dưới các trạng thái vật chất khác nhau.

CTSHR và chất thải công nghiệp chủ yếu là giấy, chất dẻo, thủy tinh và chất thải thực phẩm. Chất thải sản xuất có thể được phân ra thành chất thải phóng xạ, chất thải y tế, chất thải sinh học, chất thải xây dựng, chất thải của lĩnh vực giao thông và các loại chất thải công nghiệp khác. Xét về mặt kinh tế và tiết kiệm tài nguyên việc xử lý nguyên liệu cấp hai có những ưu điểm như bảo tồn được một khối lượng nhất định nguồn lực trong một số loại vật liệu. Xét về sinh thái rác sau khi được xử lý lần thứ hai trở nên không còn gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, xử lý chất thải lần thứ hai là phương pháp tái sử dụng cho hiệu quả cao nhất. Nhược điểm của phương pháp này là cần thiết thực hiện quy trình chặt chẽ chọn lọc rác.

Như chúng ta đã biết trong quá trình sống loài người đã và đang tích lũy một khối lượng lớn chất thải. Do vậy quy trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý nguyên liệu cấp hai đã hình thành. Với những kết quả nghiên cứu mới, việc tái sử dụng các loại vật liệu đã trở thành hiện thực.

Ví dụ, đối với việc xử lý chất thải là chất dẻo



Bãi chôn lấp rác

và các loại chất thải khác, các thiết bị nghiền, kết tụ và tạo hạt đã được đưa vào sử dụng. Với sự hỗ trợ của các loại máy và thiết bị nêu trên các quy trình linh hoạt đã và đang được áp dụng đối với chất thải và chuyển hoá chất thải thành nguyên liệu hữu ích.

Máy nghiền là một loại thiết bị được sử dụng đặc biệt phổ biến trong xử lý chất thải là chất dẻo. Rất nhiều loại chất dẻo khác nhau có thể được xử lý bằng thiết bị nghiền.

Các đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp tạo điều kiện cho sự mở rộng thêm danh mục các loại máy và thiết bị sử dụng cho việc xử lý chất thải là chất dẻo. Các loại máy nghiền, máy kết tụ và máy tạo hạt mới đã được chế tạo cùng với nhiều giải pháp kỹ thuật mới được đề xuất.

Xét về thành phần CTSHR và chất thải công nghiệp có thể được chia ra thành 3 loại, là: Nguyên liệu cấp hai; chất thải phân huỷ sinh học; chất thải xử lý lại.

Theo các nguồn số liệu khác nhau, tính trung bình mỗi năm mỗi người dân đô thị thải ra gần 400 - 500 kg CTSHR, trong đó chất thải là chất dẻo chiếm 50 - 60 kg. Tính trung bình thành phần của CTSHR và chất thải công nghiệp của các đô thị lớn ở LB Nga gồm có những yếu tố như sau: Giấy và các tông chiếm 30%, cao su - 3%, chất thải thực phẩm - 40%, kim loại đen - 3%, thủy tinh - 8%, vật liệu dệt - 5%, chất dẻo - 55%, gỗ - 3%, đá - 1%, xương - 0,5%, kim loại màu và hợp kim - 0,5%, các yếu tố khác - 1%.



Thiết bị nghiền chất thải là chất dẻo



Thiết bị tạo hạt

Thiết bị nhiệt phân tái sử dụng CTSHR đã được nghiên cứu chế tạo tại LB Nga. Mẫu thiết bị chế tạo trong nước là nồi hơi Vitolig 200 do Công ty Viessmann chế tạo tại có khả năng điều chỉnh công suất trong khoảng từ 50% đến 100%. Thành tựu đáng lưu ý khác là sử dụng quạt hút khí công suất lớn có khả năng điều chỉnh liên tục tần số quay. Các loại chất thải sau khi được phân loại như các tông, giấy, gỗ được sử dụng thay cho củi gỗ. Để thực hiện quá trình cháy nhiệt phân cần tạo ra các điều kiện ổn định đặc biệt về nhiệt độ nhằm làm nóng nguyên liệu có xét đến độ ẩm, kiểm soát lượng không khí đi vào thiết bị.

Tất cả các loại nồi hơi nhiệt phân đều có dòng khí đi vào thiết bị và tốt hơn cả là sử dụng quạt hút khí do đó quá trình cháy phụ thuộc vào lượng năng lượng được cung cấp. Sự vận hành của thiết bị sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu quạt hút gió do khối chuyển động theo hướng từ trên xuống dưới, sự lưu thông gió tự nhiên sẽ không xuất hiện do vậy thiết bị cần



Nồi hơi nhiệt phân Vitolig 200

được trang bị nguồn cung cấp năng lượng hoạt động liên tục.

Chất lượng của nồi hơi nhiệt phân đều được xác định thông qua đặc tính của khói tại ống thoát khói. Nếu khói thải không có mùi khó chịu của các bon mônôxít (CO) trên tất cả dải công suất làm việc của thiết bị thì nồi hơi đã vận hành tốt với công suất hữu ích lớn nhất có thể đối với dòng thiết bị đó.

Để kết luận có thể lưu ý rằng hiện nay việc triển khai chính sách quốc gia trong lĩnh vực xử lý chất thải gặp khó khăn do một số nguyên nhân trong đó nguyên nhân chính là do thiếu kinh phí.

Khối lượng CTSHR đang tăng hàng năm. Ngày nay người tiêu dùng có thể tiếp cận với một số lượng lớn các phương pháp tái sử dụng chất thải và ngoài các ưu điểm mang tính hình thức, các phương pháp đó cũng còn nhiều nhược điểm khác nhau. Đặc tính chung nhất của tất cả các phương pháp là định hướng cục bộ, điều đó có nghĩa là mỗi một trong số các phương pháp tái sử dụng chất thải chỉ phù hợp đối với mỗi loại CTSHR riêng biệt, nói cách khác không có phương pháp nào mang tính vạn năng.

Barusheva O.B. và các tác giả

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc - xây dựng Kazan Liên bang Nga, số 2/2014

ND: Huỳnh Phước

Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác của ngành Xây dựng năm 2015

Ngày 15/01/2016 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015 với các điểm cầu truyền hình tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên phạm vi cả nước. Tham dự Hội nghị tại điểm cầu Hà Nội có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Bộ Xây dựng, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng; đại diện lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các Bộ, ngành; lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng. Đồng chí Vũ Văn Ninh - Phó Thủ tướng Chính phủ đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng do Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trình bày tại Hội nghị, ngành Xây dựng bước vào thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi cũng như những thách thức: Kinh tế trong nước tiếp tục hồi phục với mức tăng trưởng khá, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, đảm bảo các cân đối lớn, khó khăn của doanh nghiệp từng bước được tháo gỡ; tình hình thế giới diễn biến phức tạp, với những căng thẳng, bất đồng về địa chính trị, kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước tăng trưởng chưa vững chắc, ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, nguồn thu giảm, không đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chi cho đầu tư phát triển; chất lượng; hiệu quả, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của một số đơn vị trong Ngành còn hạn chế, quá trình tái cơ cấu chậm...

Trong bối cảnh đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch, phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015; tiếp tục triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp được nêu trong Nghị quyết



Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

liên quan đến các lĩnh vực của Ngành. Trong đó, Bộ Xây dựng đã tập trung hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính; tích cực kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, trọng tâm là nhà ở xã hội; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành Xây dựng.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, lao động và cộng đồng doanh nghiệp toàn Ngành; sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả của các Bộ, Ban, Ngành và các địa phương, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng trên các mặt công tác, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2015 và giai đoạn 2011 - 2015, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế- xã hội của cả nước.

Năm 2015, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành Xây dựng duy trì được mức tăng trưởng khá, giá trị tăng thêm của ngành Xây dựng đạt 172.000 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 10,82% so với năm 2014 - mức tăng cao nhất kể từ năm 2010:

Giá trị sản xuất ngành Xây dựng năm 2015 theo giá hiện hành đạt khoảng 974.000 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2014; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35,7%, tăng 1,2% so với năm 2014; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%; quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 98,2%; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 81,5%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt khoảng 85%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch giảm còn khoảng 25%; diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 22 m² sàn/người (tăng 1,1 m² so với 2014); tổng sản lượng xi măng tiêu thụ khoảng 72,7 triệu tấn, đạt 101,3% kế hoạch năm.

Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước ngành Xây dựng, năm 2015 Bộ Xây dựng đã tập trung soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thu hành các Luật mới được Quốc hội thông qua năm 2014 (Luật Xây dựng, Luật Nhà ở), Luật Kinh doanh Bất động sản; sửa đổi, bổ sung các Nghị định về nâng loại đô thị, quản lý vật liệu xây dựng. Trong năm 2015, Chính phủ ban hành 05 Nghị định hướng dẫn Luật Xây dựng, 05 Nghị định hướng dẫn Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản; Bộ ban hành 12 Thông tư hướng dẫn các Luật này.

Đồng thời với việc hoàn thiện hệ thống thể chế, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, trọng tâm là quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và các Nghị định hướng dẫn. Thông qua việc thực hiện thẩm định thiết kế, dự toán, kiểm tra công tác nghiệm thu của các cơ quan chuyên môn về xây dựng đã góp phần tích cực phòng chống thất thoát, lãng phí, khắc phục các sai sót thiết kế và các khiếm khuyết về chất lượng trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau thẩm tra, thẩm định vào khoảng 9,2% trong năm 2013, khoảng 5,39%



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị

trong năm 2014, khoảng 5,02% trong năm 2015; tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thiết kế vào khoảng 25% trong năm 2014, khoảng 43,8% trong năm 2014, khoảng 26,4% trong năm 2015, góp phần phòng ngừa được nhiều rủi ro về chất lượng công trình.

Công tác lập quy hoạch xây dựng cũng được Bộ Xây dựng quan tâm chỉ đạo việc đổi mới và nâng cao chất lượng; chủ trì, phối hợp với các địa phương, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trên phạm vi cả nước. Đến nay, công tác quy hoạch ngày càng được các địa phương quan tâm, các đồ án quy hoạch đã thể hiện tư duy đổi mới và tầm nhìn dài hạn, tỷ lệ phủ kín quy hoạch tăng lên đáng kể, chất lượng đồ án được cải thiện. Năm 2015, Bộ đã thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 11 đồ án quy hoạch xây dựng, 02 đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

Công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP đã chuyển biến tích cực. Các địa phương đã và đang lập chương trình phát triển đô thị, lập và phê duyệt khu vực phát triển đô thị, tổ chức mô hình Ban Quản lý dự án phát triển đô thị. Các chương trình, đề án cấp quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật được tập trung thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực. Tính đến tháng 12/2015, cả nước có 787 đô thị, trong đó có 02 đô thị đặc biệt, 15 đô

thị loại I, 25 đô thị loại II, 42 đô thị loại III, 75 đô thị loại IV và 628 đô thị loại V. Các chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa, hạ tầng kỹ thuật đô thị đều có chuyển biến tích cực.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương xây dựng Chương trình phát triển nhà ở của địa phương; tập trung triển khai các chương trình nhà ở xã hội trọng điểm đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp hàng trăm ngàn hộ gia đình chính sách, người nghèo, người thu nhập thấp có điều kiện cải thiện chỗ ở như Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, Chương trình tôn nền vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lũ khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn (Chương trình 167). Trong năm 2015, đã hoàn thành đầu tư 33 dự án nhà ở xã hội, trong đó có 13 dự án nhà ở cho người thu nhập thấp, cả nước hoàn thành thêm khoảng 1,0 triệu m² nhà ở xã hội, đưa tổng diện tích nhà ở xã hội khu vực đô thị đạt khoảng 2,8 triệu m².

Năm 2015, Bộ Xây dựng tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và quản lý thực hiện các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương tổ chức lập và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển vật liệu xây dựng.

Năm 2015 đã có thêm 02 dự án xi măng đi vào vận hành, nâng tổng số dây chuyền sản xuất xi măng lên 76 với tổng công suất thiết kế là 81,5 triệu tấn, công suất huy động khoảng 76 - 77 triệu tấn/năm. Chương trình phát triển vật liệu xây không nung được đẩy mạnh, góp phần tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và bảo vệ môi trường. Các loại vật liệu xây dựng chủ yếu cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần được xuất khẩu.

Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được Bộ quan tâm



Các đại biểu dự Hội nghị tại điểm cầu Hà Nội

chỉ đạo và đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng.

Về những nhiệm vụ trong năm 2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, toàn ngành Xây dựng sẽ nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra: Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 36,8%; tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh đạt 100%; quy hoạch chung đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt khoảng 75%; quy hoạch chi tiết đạt khoảng 35%; quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 100%; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 81,5 - 82%; thoát nước, thu nước sạch giảm xuống còn 24%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 85,5 - 86%; tổng sản lượng xi măng tiêu thụ đạt khoảng 74 - 75 triệu tấn; giá trị sản xuất xây dựng toàn Ngành theo giá hiện hành tăng khoảng 10% so với năm 2015.

Để đạt được những chỉ tiêu đó, Bộ Xây dựng đề ra 12 nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016, bao gồm: Tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật ngành Xây dựng, tập trung hoàn thành ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, nghiên cứu xây dựng đề cương, dự thảo Luật về quản lý phát triển đô thị; tập trung tổ chức thực hiện đưa Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn vào cuộc sống - tăng cường quản

lý, giám sát hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán, rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; quản lý, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị; triển khai Luật nhà ở và các chương trình nhà ở; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển vật liệu xây dựng; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiện toàn nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan chuyên môn về xây dựng các cấp; tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng; nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, tích cực phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2015 của ngành Xây dựng, tại các điểm cầu truyền hình, đại diện lãnh đạo UBND, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã khái quát tình hình phát triển kinh tế xã hội, hoạt động xây dựng cơ bản và công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực xây dựng trên địa bàn, đóng góp ý kiến cho báo cáo của Bộ Xây dựng, đồng thời nêu lên các kiến nghị với Chính phủ, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung ương để nghiên cứu giải quyết.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đánh giá cao những kết quả đạt được rất đáng khích lệ của ngành Xây dựng

từ Trung ương đến địa phương trong năm 2015, đặc biệt trong việc hoàn thiện thể chế pháp luật, tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động của doanh nghiệp cũng như cho người dân; quan tâm đến công tác quy hoạch, đồng thời đã đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

Theo Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, năm 2016 là một năm đặc biệt quan trọng với nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, do đó ngành Xây dựng phải chủ động nắm bắt tình hình thực tế để nhanh chóng đưa ra những quyết sách kịp thời và phù hợp nhất.

Năm 2016, ngành Xây dựng cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, rà soát những quy hoạch hiện có, tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng công trình, phân cấp quản lý đô thị đồng thời chú trọng chỉnh trang đô thị, tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, phát triển VLXD mới, tái cơ cấu ngành Xây dựng, cải cách hành chính. Đặc biệt coi trọng công tác quy hoạch, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đề nghị các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương cần ưu tiên dành nguồn lực cho công tác quy hoạch.

Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh cũng bày tỏ tin tưởng, với truyền thống đoàn kết gắn bó, với tinh thần sáng tạo vượt qua khó khăn, ngành Xây dựng sẽ hoàn thành xuất sắc những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2016, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn!

Minh Tuấn – Trần Hà

Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng

Ngày 13/1/2015 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Cục Quản lý hoạt động xây dựng đã tổ

chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2015. Tham dự Hội nghị có ông Bùi Trung Dũng - Cục

trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng cùng toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức của Cục. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Theo Báo cáo kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ năm 2015 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng, trong năm qua, Cục đã tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được Bộ giao.

Trong công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, Cục đã chủ trì soạn thảo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng và 05 Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, năm 2015 Bộ Xây dựng đã thực hiện thẩm định 86 dự án và 233 thiết kế cơ sở, tổng giá trị thẩm định dự án là 38.865 tỷ đồng, giá trị cắt giảm sau thẩm định là 688 tỷ đồng, tương đương khoảng 1,7%. Đã có 19/63 Sở chuyên ngành về xây dựng báo cáo số liệu thẩm định tổng cộng 1.118 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, số dự án phải sửa đổi là 281 (25%), tổng mức đầu tư trình thẩm định là 10.766.208 triệu đồng, sau thẩm định là 10.558.895 triệu đồng, giảm 74.687,76 triệu đồng, tỷ lệ giảm khoảng 4,25%.

Cục đã tham mưu, giúp Bộ hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu xử lý các tình huống vướng mắc trong công tác quản lý dự án và trong đấu thầu, tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành một số văn bản quy định cơ chế đặc thù cho một số dự án, công trình trọng điểm trên toàn quốc, tham mưu giúp Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình trọng điểm nắm bắt tình hình thực hiện các dự án và đề xuất các biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn phát sinh, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm.

Công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên toàn quốc đã đi vào nề nếp; các thủ tục hành chính trong công tác cấp phép đã được công khai, minh bạch, đồng thời



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội nghị quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng.

Theo Báo cáo của 51/63 Sở Xây dựng trên cả nước, tổng số giấy phép xây dựng đã cấp cho năm 2015 là 178.492, số công trình được miễn giấy phép xây dựng là 5.690 công trình. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng đã phát hiện 12.455 trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, chiếm 6, 97% tổng số công trình được xây dựng.

Về công tác thẩm tra thiết kế, dự toán, năm 2015 Bộ Xây dựng thực hiện thẩm tra thiết kế sau thiết kế cơ sở là 163 công trình, số công trình phải chỉnh sửa thiết kế để đảm bảo an toàn chịu lực là 46, tương ứng với 17,5%; thực hiện thẩm định dự toán xây dựng cho 135 công trình, tổng dự toán là 14.222,3 tỷ đồng, giá trị sau thẩm định là 13.563,5 tỷ đồng - tỷ lệ cắt giảm dự toán khoảng 4,63%, tương ứng với 658,8 tỷ đồng.

Về quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng và cấp các chứng chỉ hành nghề: Trong năm 2015, Cục Quản lý hoạt động xây dựng và các Sở Xây dựng địa phương đã công bố 1.238 doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử; 51/63 Sở Xây dựng đã báo cấp cấp được 23.901 chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

Năm 2015, Cục thụ lý và cấp 173 giấy phép cho nhà thầu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên việc kiểm tra chấp hành quy định pháp luật và cam kết của nhà thầu nước ngoài sau khi được cấp giấy phép hoạt động

xây dựng chưa thực sự được đẩy mạnh.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đánh giá cao những kết quả công tác của Cục Quản lý hoạt động xây dựng trong năm 2015, đặc biệt ghi nhận những nỗ lực của Cục trong việc phối hợp hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành Trung ương trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng.

Theo Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, trong năm 2016, bên cạnh các nhiệm vụ chuyên môn, Cục Quản lý hoạt động xây dựng cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng

tới các địa phương, các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp trên toàn quốc, đồng thời nghiên cứu, rà soát và bãi bỏ các thủ tục hành chính rườm rà.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh bày tỏ tin tưởng với sự đoàn kết gắn bó, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức Cục Quản lý hoạt động xây dựng sẽ thực hiện tốt các kế hoạch, mục tiêu của năm 2016, hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh nhất, chất lượng nhất và có trách nhiệm nhất.

Trần Đình Hà

Cục Hạ tầng kỹ thuật tổng kết công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2016

Ngày 13/01/2016, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2016. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Thay mặt lãnh đạo Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục trưởng - PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến đã trình bày tại Hội nghị báo cáo kết quả các mặt công tác của Cục trong năm 2015.

Theo đó, năm 2015, nhiệm vụ của Cục Hạ tầng kỹ thuật tập trung vào hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức triển khai các Chiến lược, Định hướng và Chương trình, Quản lý các quy hoạch chuyên ngành, quản lý và điều phối các dự án hỗ trợ kỹ thuật, triển khai thực hiện các dự án sự nghiệp kinh tế, đề tài khoa học công nghệ... Với sự đoàn kết, nhất trí và nỗ lực vượt qua các khó khăn, tập thể cán bộ, công chức, viên chức của Cục đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Năm 2015, Cục Hạ tầng kỹ thuật được Bộ Xây dựng giao chủ trì soạn thảo 03 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị định thay thế Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ về xây



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang (đã trình xin ý kiến các thành viên Chính phủ); Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Đã trình Bộ để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ); Thông tư hướng dẫn Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải (đã được Bộ Xây dựng ban hành). Cục cũng đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan dự thảo một số Thông tư hướng dẫn Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu, tham gia rà soát, sửa đổi

bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, công trình xanh..., góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trong và ngoài Bộ Xây dựng soạn thảo (các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Xây dựng 2014, Luật bảo vệ môi trường 2014...)

Trong công tác quản lý quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, năm 2015, Cục phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 02 quy hoạch về quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai và sông Nhuệ - Đáy; hiện Cục đang chỉ đạo, đơn đốc đơn vị tư vấn hoàn thành Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Quy hoạch cấp nước vùng đồng-bằng sông Cửu Long để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 1/2016.

Năm 2015, Cục Hạ tầng kỹ thuật đã thẩm định 16 dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng thẩm định khách quan, khoa học.

Ngoài ra, trong năm 2015 Cục đã xúc tiến tổ chức triển khai nhiều Chương trình: Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch; triển khai đảm bảo cấp nước an toàn; Tổng hợp nhu cầu đầu tư của các địa phương và lập danh mục ưu tiên, hoàn thành dự thảo để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về đầu tư xử lý nước thải cho các đô thị lớn, theo các lưu vực sông giai đoạn 2016 - 2020.

Cục đã phối hợp với nhiều đơn vị trong nước và quốc tế tổ chức các Hội nghị, Hội thảo và triển lãm, diễn đàn, tọa đàm nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chia sẻ thông tin về kinh nghiệm quản lý và những công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; thực hiện tốt các nhiệm vụ tham gia công tác phân giới cắm mốc



Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến báo cáo tại Hội nghị

trên biên giới đất liền Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia; quản lý và thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như WB, ADB, JICA, GIZ, Chính phủ Phần Lan...

Bên cạnh các nhiệm vụ, công tác chuyên môn, trong năm 2015, lãnh đạo Cục Hạ tầng kỹ thuật cũng quan tâm chỉ đạo sát sao khác như công tác xây dựng Đảng, hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, tạo ra một tập thể đoàn kết, vững mạnh, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức của Cục ngày càng được nâng lên.

Tại Hội nghị, đại diện các phòng, ban chuyên môn của Cục đã phát biểu ý kiến đóng góp cho báo cáo cũng như đề xuất với lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Cục về các định hướng, chỉ đạo về chuyên môn. Đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng dự Hội nghị cũng đã phát biểu các ý kiến về việc nâng cao hơn nữa sự phối hợp công tác trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mỗi đơn vị.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh biểu dương các thành tích và kết quả các mặt công tác của Cục Hạ tầng kỹ thuật trong năm 2015. Đặc biệt, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá cao những nỗ lực, sự chủ động, tính chuyên nghiệp của Cục Hạ tầng kỹ thuật trong việc hoàn thành một khối lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật tương đối phủ kín các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trong 3 năm trở lại đây.

Trong việc triển khai các nhiệm vụ năm 2016, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chỉ đạo lãnh đạo Cục Hạ tầng kỹ thuật cần xây dựng kế hoạch triển khai kiểm tra, đánh giá hiệu quả thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; xây dựng chương trình công tác cụ thể năm 2016; nghiên cứu và đề xuất các nội dung của Luật Cấp nước, Luật Thoát nước để khi có đủ điều kiện có thể trình

Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật; Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch tiến độ, và đặc biệt là triển khai Dự án cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long - một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Cục trong năm 2016.

Minh Tuấn

Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị tổng kết công tác năm 2015

Ngày 13/01/2016 tại Hà Nội, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị - Bộ Xây dựng (AMC) đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ năm 2016. Bà Trần Thị Lựu - Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng, ông Trần Hữu Hà - Giám đốc Học viện cùng các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo và toàn thể cán bộ, viên chức, lao động của Học viện đã tham dự Hội nghị.

Tại Hội nghị, thay mặt Ban Giám đốc Học viện, ông Nguyễn Công Khôi - Phó Giám đốc đã trình bày báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016 của Học viện.

Theo Báo cáo, năm 2015, mặc dù nền kinh tế trong nước và các doanh nghiệp ngành Xây dựng còn rất khó khăn, ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng bị cắt giảm, tập thể cán bộ, viên chức, giảng viên của Học viện đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, vượt mức kế hoạch đăng ký với Bộ Xây dựng về số lớp (228/200 lớp) và số học viên (13.592/11.710 học viên).

Năm 2015 là năm Học viện đã triển khai nhiều công việc lớn như tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020; kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống của Học viện; tập trung đổi mới chương trình tài liệu, giáo trình và phương pháp giảng dạy; đẩy mạnh hợp tác



Giám đốc Học viện AMC Trần Hữu Hà phát biểu tại Hội nghị

quốc tế và mở rộng các đối tác mới; kiện toàn công tác cán bộ; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy; đặc biệt là việc triển khai đề án 1961 “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị các cấp” - hoàn thiện biên soạn 08 bộ tài liệu thuộc Đề án; hoàn thành, nghiệm thu, thanh lý 08/10 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ của năm 2015.

Trong công tác quản lý đào tạo và công tác giảng dạy, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện luôn quan tâm đến đội ngũ giảng viên - lực lượng chủ chốt quyết định đến chất lượng và uy tín của Học viện. Học viện đã có nhiều cơ chế khuyến khích nhằm động viên các giảng viên tích cực giảng dạy, nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức trao đổi về chuyên môn, phương pháp giảng dạy cũng như kinh nghiệm



Toàn cảnh Hội nghị

thực tế cho đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, Học viện cũng chú trọng hợp tác và mời giảng viên kiêm chức có uy tín, có học hàm học vị cao và nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý tham gia giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Học viện cũng đã triển khai và thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước về công tác cán bộ, chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chính sách đối với lao động nữ... Hoạt động của các phòng, ban, các đoàn thể được quan tâm chỉ đạo sát sao, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức, giảng viên được duy trì ổn định và từng bước được cải thiện, với thu nhập bình quân đạt 6.400.000 đồng/người/tháng.

Đến dự và phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu chúc mừng các kết quả xuất sắc và những

thành công mà Học viện AMC đã đạt được trong năm 2015, đồng thời khẳng định đó là những nỗ lực rất lớn của Học viện trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và ngành Xây dựng còn rất nhiều khó khăn.

Chủ tịch Công đoàn Trần Thị Lựu cũng nhất trí với nội dung Báo cáo và các thành tựu quan trọng của Học viện trong năm 2015 như hoàn thành mục tiêu mở lớp, sơ kết Đề án 1961 và những công tác khác.

Chủ tịch Công đoàn Trần Thị Lựu cũng đề nghị trong thời gian tới, Ban Giám đốc Học viện cần có các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao năng lực cũng như bổ sung thêm đội ngũ giảng viên; xây dựng các chương trình, tài liệu giảng dạy đáp ứng với yêu cầu thực tiễn; sớm nắm bắt xu thế hội nhập quốc tế, trong đó có việc thực hiện các cam kết WTO và hiệp định xuyên Thái Bình dương TPP trong ngành Xây dựng; chủ động chuẩn bị cho việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập...

Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2015, 19 đơn vị của Học viện đã được Giám đốc Học viện tặng thưởng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; 28 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều đơn vị, cá nhân được nhận Giấy khen của Giám đốc Học viện.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản

Ngày 14/1/2016 tại Hà Nội, Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác năm 2015 và chương trình công tác năm 2016. Tham dự hội nghị có toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản; đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo tại Hội nghị, Cục trưởng Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản Nguyễn Trọng Ninh cho biết: Trong năm 2015, thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã tập trung nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản, đồng thời hoàn thành nghiên cứu, soạn



Thử trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

thảo 698 văn bản các loại để hướng dẫn, trả lời các tổ chức, cá nhân, các địa phương có liên quan đến việc thực hiện chính sách pháp luật về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản.

Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản đã triển khai có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản theo Nghị quyết số 02/NĐ-CP ngày 7/1/2013 của Chính phủ, đặc biệt là công tác chuyển đổi từ nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội và điều chỉnh cơ cấu căn hộ cho phù hợp với nhu cầu thị trường, giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân gói tín dụng 30.000 tỷ đồng. Ngoài ra, Cục đã chủ động phối hợp với Cục Công sản (Bộ Tài chính) và các Sở, ngành của TP Hà Nội xử lý các vướng mắc liên quan đến nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước...

Cục trưởng Nguyễn Trọng Ninh cho biết, tốc độ phát triển nhà ở trong giai đoạn 2011 - 2015 đã bám sát chỉ tiêu hàng năm trong Chiến lược Phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020. Theo đó, diện tích sàn nhà ở bình quân đạt gần 89 triệu m²/năm trong giai đoạn 2011 - 2014, riêng năm 2015, ước tính đạt khoảng 95 triệu m², diện tích bình quân nhà ở trên toàn quốc là 22 m²/người. Tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm 2015 ước đạt 1 triệu m² sàn.

Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã tham mưu giúp lãnh đạo Bộ Xây dựng chỉ đạo, điều hành có hiệu quả 7 Chương trình phát triển nhà ở trên phạm vi toàn quốc, đó là:

Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở Đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2); Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh lũ, lụt vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; Chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị; Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp; Chương trình phát triển nhà ở sinh viên.

Trong năm 2015, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản đã hoàn thành 5 dự án sự nghiệp kinh tế và 4 đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nhà ở, công sở và thị trường bất động sản.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2015, năm 2016, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản tiếp tục triển khai thực hiện Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành 2 Luật trên, đồng thời tập trung thực hiện có hiệu quả các Chương trình phát triển nhà ở trọng điểm theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng, của Chính phủ, tổng hợp, đánh giá tình hình phát triển nhà ở, công sở và thị trường bất động sản trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản sẽ tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện các Chương trình phát triển nhà ở trọng điểm cũng như tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thử trưởng Phạm Hồng Hà đánh giá cao những kết quả đạt được của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản trong năm 2015. Nhằm thực hiện thành công những mục tiêu, kế hoạch đề ra cho năm 2016, Thử trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu

Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản tập trung hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách về lĩnh vực nhà ở cũng như bất động sản, thực hiện các giải pháp để thị trường bất động sản phát triển ổn định, phù hợp với điều kiện đất nước.

Thứ trưởng Phạm Hồng Hà chỉ đạo Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản phải đặc biệt quan tâm lĩnh vực nhà ở cho thuê, nhà ở cho công nhân và coi đây là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch của năm 2016, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động của Cục trong giai đoạn 2016 - 2020 cũng như

kế hoạch kết hợp các nhiệm vụ trước mắt với những mục tiêu lâu dài, tăng cường nghiên cứu khoa học công nghệ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở...

Thứ trưởng Phạm Hồng Hà tin tưởng rằng, với sự đoàn kết nhất trí và nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản sẽ thực hiện thành công những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra cho năm 2016.

Trần Đình Hà

Vật liệu lợp polymer và vật liệu chống thấm của Nga

Mặc dù tấm lợp là một trong những sản phẩm lâu đời nhất của nền văn minh nhân loại, song phải đến thế kỷ XX, công nghệ lợp mái mới đạt những thành tựu lớn trong việc hỗ trợ bảo vệ các công trình xây dựng khỏi thiên tai hay những hiện tượng thời tiết bất lợi - trong đó có đóng góp to lớn của các phát minh, sáng chế của ngành hóa học cũng như sự cải tiến không ngừng các vật liệu và áp dụng biện pháp thi công ngày càng hiệu quả.

Vật liệu làm mái truyền thống là rơm rạ, gỗ và ngói. Tấm lợp nhựa đường được làm từ nhiều loại vật liệu khác nhau, trái ngược với tấm lợp đá và gỗ trước đó. Tấm lợp bitum đầu tiên ra đời tại bang Michigan (Mỹ) vào năm 1903 - được làm từ bitum hay còn gọi là nhựa đường (một sản phẩm phụ của dầu mỏ) kết hợp với thạch anh, gạch, đá, hoặc các khoáng chất tương tự. Ngay lập tức, tấm lợp bitum gây được sự chú ý vì vừa có giá rẻ hơn so với các loại tấm lợp trước đó, vừa bảo vệ các công trình nhà ở khá hữu hiệu. Theo thời gian, các tấm lợp bitum ngày càng phổ biến hơn. Các tấm lợp bitum có kích thước lớn sẽ giúp cho việc lắp đặt dễ dàng và ít tốn kém hơn, nâng cao khả năng chống chịu những cơn gió mạnh - được những người sống trong khu vực dễ chịu ảnh hưởng của gió bão đánh giá cao.

Các sản phẩm polymer thế hệ 3 sử dụng để lợp (làm mái) và chống thấm được sản xuất trên cơ sở nguồn nhiên liệu và thiết bị của Nga chính là những sản phẩm cải tiến của Tập đoàn Gidrol Rufing (GR) - thành viên Hiệp hội "Bảo vệ kết cấu xây dựng của các tòa nhà/ công trình" của Nga, một trong các đơn vị dẫn đầu về nghiên cứu chế tạo và ứng dụng các vật liệu chống gỉ, chống thấm và vật liệu polymer thế hệ mới, phạm vi áp dụng rộng rãi cả trong xây mới cũng như sửa chữa các công trình. Các chuyên gia của Tập đoàn GR đã chế tạo thành công các vật liệu polymer thế hệ 3 có khả năng giải quyết một cách hợp lý nhất những vấn đề liên quan tới công nghệ lắp dựng và sửa chữa mái nhà, thích hợp với mọi điều kiện thời tiết (thi công quanh năm); đồng thời thông qua những vật liệu này, công tác chống thấm trong xây dựng đạt hiệu quả rõ rệt.

Đầu thế kỷ XXI, Tập đoàn GR đã nghiên cứu thành công tấm lợp bằng nhựa nhiệt dẻo polyolefin. Phương pháp chế tạo là sử dụng màng cao su ethylene propylene trong cấu trúc liên mạch duy nhất để chống nóng cho ngôi nhà. Khác với tấm lợp bitum, tấm lợp này có thể được tái chế để sử dụng trong các sản phẩm khác và thậm chí nó được sử dụng như một nhiên liệu đốt cháy rất sạch.

Xét theo tiêu chí chất lượng và các đặc tính vật lý - kỹ thuật, sản phẩm của GR không hề thua kém các sản phẩm nhập khẩu cùng loại (thế giới đã biết tới tấm lợp bằng nhiệt nhựa dẻo polyolefin từ đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX); và trong nhiều trường hợp còn thể hiện rõ tính ưu việt trên thị trường nội địa, trong khi giá cả khá cạnh tranh. Hiện nay, tại Nga có 57 doanh nghiệp với 360 nhãn hàng vật liệu bitum, vật liệu lợp (làm mái) bằng polymer - bitum và vật liệu chống thấm. Quy trình thi công mái mềm thực ra rất tốn kém, nguy cơ hỏa hoạn cao do các vật liệu bitum và polymer - bitum sẽ bắt cháy khi nhiệt độ đạt mức 800°C - 1000°C.

Toàn bộ dòng vật liệu lợp mềm bằng bitum và polymer - bitum (xét về tuổi thọ, độ tin cậy, độ bền bằng giá, đặc tính thời tiết & khí hậu) đều không cho phép áp dụng vào mùa thu - đông. Thời gian gần đây, công tác sửa chữa các mái mềm trong hệ thống nhà ở & công trình công cộng của Nga gia tăng liên tục; số mái bị dột, hư hỏng mỗi năm một tăng lên. Việc sửa chữa mái nhà hàng năm sẽ tiêu tốn một số tiền không nhỏ. Và bất cứ vấn đề gì liên quan tới sinh hoạt hàng ngày của người dân đều là một vấn đề xã hội cần được kịp thời giải quyết.

Sử dụng các sản phẩm lợp chất liệu polymer của GR cho phép giảm chi phí lao động một cách đáng kể đồng thời cải thiện chất lượng mái, do tuổi thọ lâu bền của sản phẩm, độ an toàn cao trong suốt thời gian vận hành khai thác, thậm chí trong toàn bộ vòng đời công trình.

Các chủng loại vật liệu chống thấm và vật liệu lợp bằng polymer (dạng cuộn) khá phong phú. Tùy theo từng nhãn mác khác nhau, các vật liệu có thể được chế tạo trên cơ sở cao su etylenpropylene, elastomer và cao su đặc biệt.

Trong các sản phẩm matit, các nhãn hiệu "Krovelit" (với thành phần nhựa cao su polyetylen) và "Unimast" (thành phần tương tự như "Krovelit", được sử dụng nhiều trong thi công mái nhà, chống thấm và chống gỉ) khá phổ biến trên thị trường nội địa.

Đặc biệt, matit "Unimast" chuyên dụng cho việc xây và sửa chữa các mái có độ đàn hồi với khả năng kháng thấm (nước và khí) rất tốt. Với vai trò là lớp phủ bảo vệ, loại matit này có độ bám dính cao đối với kim loại, bê tông, kính, gỗ, xi măng amiăng, nhựa, các bề mặt được quét sơn... trong khi vẫn bảo đảm các tính chất đàn hồi của chính sản phẩm (độ kéo dài tương ứng khi có hiện tượng đứt gãy hoặc gián đoạn tới 700%) trong ngưỡng nhiệt độ từ -55°C tới +120°C. Thời hạn phục vụ của lớp phủ tới hơn 20 năm trong điều kiện ngoài trời, và có thể tới 50 năm hoặc lâu hơn trong điều kiện ngầm dưới đất.

Matit "Krovelit" đã được ứng dụng thành công vào thi công mái bằng chất liệu polymer cho nhà ga Kursk - công trình đầu tiên tại Nga ứng dụng vật liệu này. Toàn bộ phần vòm và mái của nhà ga, với tổng diện tích hơn 14 nghìn m² đã vững vàng suốt nhiều thập kỷ qua không cần một sửa chữa cơ bản nào, và tiếp tục thực hiện công năng của mình với một độ tin cậy rất cao.

Cùng với việc cải tiến các sản phẩm đã thành thương hiệu lâu năm, trong năm 2015, Tập đoàn GR cũng đã giới thiệu ra thị trường xây dựng nội địa những công nghệ cải tiến trong thi công xây mái nhà. Theo kết quả những dự án thử nghiệm mà các chuyên gia Tập đoàn tham gia tại Tomsk và Murman (phía bắc) và Volgograd (phía nam), khi xây mới và sửa chữa các mái nhà hiện hữu của các công trình nhà ở, công trình công nghiệp và các công trình xã hội khác, chỉ cần sử dụng một lớp vật liệu polymer (dạng cuộn) nhãn hiệu "Elon" và "Krovelon" của Tập đoàn, kết hợp với matit "Unimast" làm keo dính dán các vật liệu này lên bê tông, xi măng amiăng, kim loại, gỗ, thậm chí cả các tấm phủ polymer - bitum. Các kết quả đều cho thấy tính kháng thấm của kết cấu là tuyệt đối.

So với quy trình thi công mái nhà từ các vật liệu polymer - bitum hoặc bitum (thế hệ 1 và 2), việc ứng dụng các vật liệu polymer thế hệ 3 cho phép: Giảm chi phí nhân công (do thi công dễ dàng, quy trình đơn giản); giảm khối lượng vật



Nhà ga Kursk với toàn bộ phần mái là tấm lợp polymer

liệu làm mái; giảm chi phí vận chuyển khi cung cấp vật liệu từ nhà máy tới công trường thi công; loại trừ các tính chất thời vụ của việc xây lắp mái nhà trong mọi điều kiện khí hậu khác nhau (Liên bang Nga trải rộng qua các vùng khí hậu khác nhau, từ vùng đất băng giá vĩnh cửu ở cực bắc, nơi nhiệt độ trung bình năm chỉ đạt xấp xỉ -50°C ; cho tới vùng sa mạc Trung và Nam Á, nơi nhiệt độ trong bóng râm về mùa hè có thể lên tới $+60^{\circ}\text{C}$); nâng cao độ tin cậy và tuổi thọ của mái nhà từ 3 - 5 năm tới 20 - 25 năm; nếu dùng làm vật liệu chống thấm trong công trình ngầm dưới đất có thể kéo dài thời hạn sử dụng từ 50 - 100 năm (về lý thuyết và căn cứ theo đặc điểm thành phần của vật liệu); độ bền hóa chất và độ bền sinh học rất cao.

Chính vì vậy, sử dụng các sản phẩm của Tập đoàn GR vừa hấp dẫn về mặt kinh tế, vừa đảm bảo về mặt công nghệ kỹ thuật; và trên hết, giá thành công trình sẽ giảm đáng kể so với sử dụng các sản phẩm nhập ngoại cùng loại.

Ưu điểm của các vật liệu polymer còn thể hiện ở khả năng thiết lập những giải pháp kỹ thuật mới - các mái nhà lắp ghép mái, các

panel mái mềm được sản xuất sẵn trong nhà máy..., mở rộng phạm vi và khả năng sử dụng của loại vật liệu này tại những vùng miền khác nhau, với điều kiện khí hậu khác nhau. Tại Nga, mái nhà lắp ghép và panel mái mềm lần đầu được áp dụng vào thập kỷ 80 thế kỷ XX tại nước cộng hòa Komi (các thành phố và thị trấn Usinsk, Ukhta, Xytyvkar, Vorkuta...). Kinh nghiệm sản xuất và ứng dụng các mái nhà lắp ghép và các panel polymer mềm làm mái nhà tại vùng khí hậu phương bắc khá khắc nghiệt này đã chứng tỏ những tính chất ưu việt không thể phủ nhận của vật liệu so với các mái nhà đa lớp truyền thống. Một số ưu điểm nổi bật là: Có thể thi công mái nhà quanh năm; phòng tránh tối đa các nguy cơ hỏa hoạn trong quá trình xây lắp mái cũng như trong suốt quá trình sử dụng hành khai thác công trình sau này; giảm chi phí lao động từ 250% - 300%, đồng thời giảm nhẹ trọng lượng mái nhà; giảm chi phí vận chuyển tới 20 lần; chống ẩm mốc rất tốt.

Kinh nghiệm ứng dụng thành công vật liệu chống thấm, chống gỉ và vật liệu polymer làm mái nhà thế hệ mới tại các công trình với mức độ trách nhiệm và độ phức tạp khác nhau trên cả nước cho phép các nhà xây dựng Nga nhận định rằng: vật liệu polymer của Tập đoàn GR hiện nay đã và đang giải quyết rất tốt vấn đề vật liệu thay thế hàng nhập khẩu, đồng thời giải quyết việc bảo vệ phần mái trong suốt vòng đời của các công trình.

Iu. Sulzhenko

Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng, thiết bị & công nghệ thế kỷ XXI (tháng 10/2015)

ND: Lê Minh

Trung Quốc: Thành phố Ôn Lĩnh thực hiện tài nguyên hóa nước mưa

Lưu giữ nước mưa, biến nước mưa thành tài nguyên có ích là vấn đề cần đi sâu nghiên cứu, thảo luận đối với khu vực miền Đông của Trung

Quốc. Trong quá trình xây dựng, chuyển đổi và tái cấu trúc các ngành công nghiệp, thành phố Ôn Lĩnh, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc đã có

những tìm tòi, triển khai nhiều biện pháp về thu gom, làm sạch và tận dụng nước mưa, thực hiện tài nguyên hóa nước mưa, và trở thành một thành phố điển hình về quản lý nước mưa tại đô thị.

I. Biện pháp thu gom, tận dụng nước mưa

1. Khai thác với tác động thấp (LID, Low Impact Development)

Khu vực công nghiệp tập trung phía Đông thành phố Ôn Lĩnh có diện tích 36,9 km² là khu vực phát triển kinh tế cấp tỉnh. Kể từ khi triển khai xây dựng khu vực này đã áp dụng các quan điểm như “khai thác tác động thấp, bảo vệ môi trường sinh thái” vào trong quy hoạch đô thị, tìm tòi các giải pháp kiểm soát dòng nước mưa, sử dụng nước tiết kiệm, phòng chống và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, xây dựng cảnh quan nước và bảo vệ sinh thái nước, đồng thời thông qua các sáng kiến như thiết lập quy hoạch riêng, tiến hành trước các hạng mục xây dựng công cộng, động viên các doanh nghiệp tham gia... để thúc đẩy hiệu quả công cuộc xây dựng “Thành phố bọt biển” (The Sponge City) - thành phố có khả năng hút nước giống như bọt biển là khái niệm mới của Trung Quốc về quản lý nguồn mưa tại đô thị. Trên cơ sở nghiên cứu lập “Quy hoạch cơ sở hạ tầng sinh thái”, việc đề ra “Phương án thoát nước sinh thái hóa” và các hướng dẫn xây dựng đã giúp việc quy hoạch khu vực này thiết kế nên một hệ thống thoát nước sinh thái có khả năng lưu trữ tự nhiên, thẩm thấu tự nhiên và làm sạch tự nhiên. Ngoài ra, hệ thống thoát nước sinh thái này cũng giúp lưu giữ địa mạo vốn có, giúp duy trì tỷ lệ nước mặt ở mức trên 12%, đồng thời bảo vệ vùng đất sinh thái ngập nước tại hồ Long Môn với diện tích 5,76 km². Vành đai xanh ven đường của khu vực này được thiết kế theo kết cấu dạng lõm, thấp hơn mặt đường, hình thành nên một mạng lưới lưu trữ nước lớn. Phía dưới dải đất xanh là lớp lọc nhiều tầng bằng cát và đá cuội để nước mưa quay trở về với hệ thống nước tự nhiên.

Trong quá trình xây dựng khu công nghiệp tập trung Ôn Lĩnh, mô hình khai thác khu công

nghiệp truyền thống đã được thay đổi, triết lý xây dựng “sinh thái, bảo vệ môi trường, tuần hoàn, bền vững” được nêu cao, các dự án trước khi vào khu công nghiệp sẽ phải trải qua đánh giá của tập thể các chuyên gia với 12 chỉ tiêu như ngành công nghiệp, giá trị sản xuất, nộp thuế, thiết bị, hao phí năng lượng, bảo vệ môi trường... nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường trong tương lai.

2. Thu gom, tận dụng nước mưa tại các khu công nghiệp

Thành phố Ôn Lĩnh thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, tài nguyên nước mưa khá phong phú, lượng nước mưa bình quân hàng năm là 1.709,8 mm, vào mùa mưa (từ tháng 4 đến tháng 9) lượng mưa chiếm khoảng 70% trong cả năm, còn mùa đông và mùa thu lượng mưa tương đối ít. Theo tính toán của cơ quan thủy lợi, lượng nước mưa lưu trữ tại hồ chứa bình quân hàng năm tại thành phố Ôn Lĩnh không tới 200 triệu m³, trong khi lượng nước mưa có thể tận dụng lên tới 814,6 triệu m³ rất có tiềm năng khai thác. Nước mưa được thu gom qua hệ thống sinh thái hoặc qua các công trình sẽ được xử lý, chất lượng nước được xử lý đạt tiêu chuẩn có thể sử dụng trong công nghiệp, môi trường sinh thái, sử dụng trong các hoạt động tại đô thị, phục vụ xanh hóa... Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp mỗi năm đều tiêu hao một lượng nước lớn để đáp ứng cho các công nghệ sản xuất sử dụng nước, sử dụng cho sinh hoạt và các hoạt động có sử dụng nước khác. Trong đó, một phần nước rất lớn được sử dụng để làm nước cảnh quan, tưới cây xanh, dùng cho nhà vệ sinh và các công nghệ sản xuất có sử dụng nước với yêu cầu chất lượng nước không cao (ví dụ nước làm mát tuần hoàn ...). Vì vậy, các nhà máy sản xuất công nghiệp tiến hành tích trữ nước mưa sẽ góp phần điều tiết được lượng nước mưa, đồng thời thực hiện tận dụng tối ưu nguồn tài nguyên nước mưa.

II. Thực tiễn trong thu gom, tận dụng nước mưa

1. Hệ thống thu gom nước mưa tại khu công nghiệp

Hệ thống thu gom, tận dụng và cung cấp nước mưa tại khu công nghiệp chủ yếu bao gồm hệ thống thu gom, làm sạch, tận dụng, thoát nước và cung cấp nước. Công ty TNHH Thực phẩm và Cơ khí Kim Hồng, tỉnh Chiết Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty Kim Hồng) có diện tích 50,7 mẫu, tỷ lệ đất xanh tại khu vực nhà máy là 15%, diện tích dành cho công trình xây dựng khoảng 15 nghìn m², diện tích phần mái của các nhà xưởng chính khoảng 7 nghìn m². Lấy ví dụ về sự tương tác nguồn nước mưa giữa doanh nghiệp và khu công nghiệp, thông qua sự vận hành của những hệ thống này, doanh nghiệp đã đạt mục đích tận dụng đầy đủ nguồn nước mưa.

Hệ thống thu gom nước mưa này chủ yếu bao gồm 5 khâu: Thu gom, làm sạch, tích trữ, tái sử dụng và thoát xả. Phần mái của các công trình được phân bố vô số các ống thu gom nước mưa, thông qua đầu ống chuyển nước để đưa nước mưa thu gom về bể chứa, sau khi nước mưa trải qua nhiều cấp độ làm sạch như bông sinh hóa, than hoạt tính, quả cầu thủy tinh... sẽ được lưu trữ trong bể chứa ngầm 600 tấn, một bộ phận sẽ được đưa lên tháp nước trên mái để tận dụng tổng hợp như làm nước sinh hoạt sử dụng hàng ngày, tưới tắm cây cối, giảm nhiệt cho mái nhà..., bộ phận nước dư thừa sẽ được xả vào hồ nước nhân tạo. Vào mùa mưa, nước tại hồ nhân tạo sẽ trải qua bước làm sạch sinh thái tự nhiên, tiếp đó thông qua đường ống tràn đưa lượng nước vượt quá mực nước thông thường xả vào đường ống nước mưa của đô thị. Vào những đợt ít mưa, lượng nước dùng cho xanh hóa không đủ, hệ thống cấp nước sẽ lấy nước từ đường sông tại khu công nghiệp và trải qua xử lý làm sạch rồi đổ vào hồ nhân tạo, sau đó bơm sẽ đưa nước tới các bể chứa ngầm, thực hiện sử dụng tuần hoàn và khoa học đối với tài nguyên nước.

-Thu gom và làm sạch nước mưa: Đối với

các nguồn nước mưa khác nhau tại khu công nghiệp sẽ có những biện pháp kỹ thuật thu gom nước mưa tương ứng, tạo nên 1 chỉnh thể hữu cơ có hiệu quả cao trong thu gom nước mưa. Nguồn gốc nước mưa thu gom chủ yếu là lượng nước mưa chảy trên mặt đất và trên mái nhà. Nước mưa này sẽ được trải qua làm sạch tại hệ thống làm sạch, về cơ bản nó có thể đạt đến tiêu chuẩn chất lượng nước loại II dành cho nước mặt.

- Tận dụng nước mưa: Nước mưa thu gom được tại bể chứa sẽ được bơm lên tháp nước để doanh nghiệp cung cấp nước cho sinh hoạt. Bộ phận nước này còn phải trải qua thiết bị xử lý nước để tiến hành các bước xử lý cần thiết, ví dụ như lọc... nhằm khử độc và làm sạch nguồn nước. Nước mưa được xử lý như vậy mới có thể sử dụng để giặt giũ, rửa mặt, rửa thực phẩm... Khu vực trồng trọt cây xanh cũng được lắp đặt các thiết bị phun tưới nước, thiết bị này lấy nước trực tiếp thông qua đường ống để nước tưới tắm cho cây trồng, thực hiện tận dụng tuần hoàn nguồn nước mưa.

- Hệ thống tuần hoàn thoát nước, cung cấp nước: Các doanh nghiệp sẽ thông qua hồ nước nhân tạo có dung tích 500 m³ để điều tiết cân bằng lượng nước giữa doanh nghiệp và khu công nghiệp, phát huy tác dụng thoát ngập thoát lũ nhất định. Trong khu vực hồ sẽ được bố trí các loại thực vật thủy sinh có tác dụng làm sạch chất lượng nước, vừa có tác dụng về mặt chức năng, vừa làm đẹp cho môi trường cảnh quan. Nước trong hồ nhân tạo là nước chảy vào thông qua đường ống tràn khi bể chứa nước ngầm đã đầy và nước trên bề mặt chảy vào rãnh cỏ thực vật có dạng lõm để làm sạch. Xung quanh hồ sử dụng loại đất sét bản địa để thay thế cho kỹ thuật công trình truyền thống, độ rộng của tường chống thấm là khoảng 2,5 m, có tác dụng hiệu quả trong chống thấm nước.

2. Phân tích lợi ích

Công trình Hệ thống Thu gom tận dụng nước mưa của Công ty Kim Hồng cần đầu tư

khoảng 1 triệu NDT (không bao gồm đầu tư cho cảnh quan và chức năng của hồ chứa nhân tạo), so với hệ thống thoát xả trực tiếp thì cần đầu tư nhiều hơn 500 nghìn NDT, tuy nhiên sau khi công trình thu gom, tận dụng nước mưa hoàn thành, mỗi năm có thể tiết kiệm được 10 nghìn tấn nước máy. Căn cứ theo cách tính toán về giá nước tại khu vực mới tại phía Đông thành phố Ôn Lĩnh với 6,9 NDT/tấn thì mỗi năm có thể tiết kiệm được 69 nghìn NDT cho chi phí nước. Nếu xem xét tới việc tiết kiệm nước đồng thời giảm thiểu đầu tư tài chính địa phương cho xây dựng cơ sở hạ tầng hay những lợi ích gián tiếp khác như loại trừ ô nhiễm, giảm tổn thất cho xã hội, tiết kiệm chi phí vận hành thiết bị thoát nước cho đô thị... thì mỗi năm có thể thu lợi 500 nghìn NDT. Hơn thế nữa, hồ chứa nước nhân tạo lại đảm bảo chất lượng nguồn nước đạt tiêu chuẩn tái sử dụng, bảo vệ môi trường nước. Hiện tại, khu vực mới ở phía Đông tỉnh Ôn Lĩnh đã có 6 doanh nghiệp xây dựng hệ thống tận dụng sinh thái hóa nước mưa. Theo thống kê sơ bộ, dung tích hiệu quả trong thu gom nước mưa đạt 6.900 m³, lượng nước mưa có thể tận dụng trong năm gần 70 nghìn tấn, các doanh nghiệp

sẽ sử dụng để đầu tư cho hệ thống thoát nước sinh thái. Trải qua 7 năm thu hồi, tận dụng tài nguyên nước, về cơ bản đã có thể thực hiện thu hồi nguồn kinh phí.

III. Kết luận

Việc tận dụng nước mưa đã đem lại nhiều lợi ích cho xã hội cũng như cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái, đồng thời mang tới những lợi ích khả quan cho doanh nghiệp và các khu công nghiệp trong địa bàn thành phố. Trong quá trình khai thác xây dựng đô thị, thành phố Ôn Lĩnh đã tích cực khởi xướng việc khai thác tác động thấp, giảm thiểu sự phá hoại đối với môi trường sinh thái nước vốn có. Việc tận dụng nguồn nước mưa được bắt đầu triển khai từ các doanh nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp “bọt biển” và các đô thị “bọt biển”. Những công trình thúc đẩy sự phát triển và mang tới những lợi ích lâu dài này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao danh tiếng cho thành phố Ôn Lĩnh.

Vương Sĩ Phương

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 9/2015

ND: Kim Nhạn

Tình hình xử lý tận dụng rác thải xây dựng ở Trung Quốc

Những năm gần đây, lượng rác thải xây dựng phát sinh hàng năm của Trung Quốc dao động từ hơn 1,55 - 2,4 tỷ tấn, chiếm 40% tổng lượng rác thải đô thị. Theo tính toán của Viện Nghiên cứu thiết kế vật liệu xây dựng thành phố Thượng Hải, nếu đến năm 2020, lượng rác thải xây dựng được chuyển đổi thành vật liệu xây dựng sinh thái, thì có thể tạo ra giá trị 1.000 nghìn tỷ nhân dân tệ. Trên thực tế, lượng rác thải xây dựng không qua bất kỳ một khâu xử lý nào và được chôn lấp chiếm đến 98%, lượng kim loại nhẹ và bê tông được phân loại trong rác thải chiếm khoảng 2%, tỷ lệ tái sử dụng tài nguyên chỉ khoảng 1%, thấp hơn rất nhiều so với các nước

Đức và Nhật Bản đến 90%, Anh 80% và Mỹ là 70%. Mặt khác, chi phí tái chế cao đang trở thành áp lực lớn đối với các doanh nghiệp tái chế rác thải xây dựng của Trung Quốc.

Theo Báo cáo tại Hội nghị Phát triển ngành công nghiệp tái chế rác thải xây dựng của Trung Quốc tổ chức tại Bắc Kinh vào năm 2014, hiện nay, Trung Quốc có hơn 20 doanh nghiệp chuyên tái chế rác thải xây dựng, chủ yếu là sản xuất gạch từ rác thải xây dựng tái chế, tỷ lệ tái chế rác thải xây dựng trên cả nước vào khoảng 5%. Nếu so với Hàn Quốc, thì số lượng doanh nghiệp tái chế rác thải của Trung Quốc còn quá nhỏ, khi Hàn Quốc có lượng rác

thải xây dựng chỉ khoảng hơn 60 triệu tấn/năm, nhưng có đến 373 doanh nghiệp tái chế.

I. Lượng rác xây dựng ngày càng tăng, nhưng việc tái chế mới chỉ là giai đoạn đầu

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển và xây dựng nhanh chóng tại các đô thị, ngành Xây dựng Trung Quốc cũng không ngừng mở rộng và phát triển. Môi trường sống và làm việc tiếp tục được cải thiện, cùng với đó, rác thải xây dựng cũng không ngừng gia tăng, rất nhiều khu vực đã xuất hiện hiện tượng “rác thải bao vây thành phố”. Tại Bắc Kinh, lượng rác xây dựng hàng năm lên đến 40 triệu tấn. Trong vài năm tới, do Trung Quốc đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, chắc chắn lượng rác xây dựng sẽ phát sinh ngày càng nhiều.

Đối với chiến lược đổi mới công nghệ tái chế nguồn rác thải xây dựng, sau khi trải qua phát triển và sử dụng, hiệu quả tái chế rác thải xây dựng có thể đạt tới 95%. Tuy nhiên, tình trạng của Trung Quốc hiện nay là: *Một mặt*, phần lớn lượng rác thải xây dựng đã được tự ý xử lý hoặc chôn lấp đơn giản, không những chiếm diện tích đất, gây ô nhiễm môi trường, mà còn phá hỏng kết cấu thổ nhưỡng, gây sụt lún; *mặt khác*, do các doanh nghiệp có năng lực tái chế rác thải xây dựng lại luôn trong tình trạng bị thiếu rác thải xây dựng, nên họ phải đối mặt với việc tồn tại nhưng thiếu nguồn cung.

Trong Báo cáo cũng chỉ ra, vấn đề hiện nay không phải do công nghệ sản xuất và ứng dụng của ngành công nghiệp tái chế rác thải xây dựng Trung Quốc yếu kém, bởi hiện Trung Quốc cũng có những công nghệ xử lý rác thải xây dựng thuộc hàng tiên tiến trên thế giới. Điều này có thể hiểu rằng, việc xử lý rác thải xây dựng, tái chế bê tông tại Trung Quốc đã được nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn, đặc biệt là công nghệ sản xuất gạch từ rác thải xây dựng, cơ bản đã có kinh nghiệm nhất định, hầu hết các sản phẩm đưa vào sử dụng tại các công trình có hiệu quả rất tốt. Về thiết bị xử lý rác thải xây dựng, cơ bản có thể đáp ứng nhu cầu thực

tế hiện nay. Hơn nữa, trong bối cảnh xây dựng đô thị nhưng phải tiết kiệm tài nguyên, các địa phương của Trung Quốc cũng triển khai nhiều cuộc thăm dò và học hỏi về công nghệ tái chế rác thải xây dựng. Theo Báo cáo, hiện Trung Quốc đã có modul xử lý rác thải xây dựng khép kín, mỗi năm có thể xử lý hàng triệu tấn rác thải. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi vẫn do thiếu các chính sách hỗ trợ, dẫn đến hiệu quả tái chế rác thải xây dựng chưa cao.

II. Công tác quản lý rác thải xây dựng của Trung Quốc còn nhiều bất cập

Báo cáo nêu rõ, công tác xử lý rác thải xây dựng của Trung Quốc đang phải đối mặt với một số vấn đề, trong đó có những bất cập về cơ chế, chính sách, biểu hiện rõ nhất ở phương diện các quy định pháp luật chưa hoàn thiện, trách nhiệm chủ thể chưa rõ ràng.

Các luật và quy định hiện hành về xử lý rác thải xây dựng hiện nay của Trung Quốc chủ yếu gồm: “Điều lệ quản lý vệ sinh môi trường đô thị” ban hành năm 1992; “Luật phòng chống ô nhiễm chất thải rắn” năm 2004; “Luật thúc đẩy kinh tế tuần hoàn” ban hành năm 2009; “Quy định quản lý rác thải xây dựng đô thị” của Bộ Xây dựng Trung Quốc năm 2005. Ngoài ra, chính quyền địa phương các cấp cũng ban hành các văn bản liên quan tới việc xử lý rác thải xây dựng đô thị.

Tuy nhiên, các quy định và văn bản chủ yếu liên quan tới việc rác thải xây dựng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến diện mạo của thành phố, đồng thời ít quan tâm tới việc sử dụng tuần hoàn rác thải xây dựng. Hơn nữa, các quy định pháp luật đã ban hành cũng không quy định rõ ràng về trách nhiệm xử lý rác thải là thuộc về đơn vị thi công hay chủ đầu tư nên dẫn đến việc không kịp thời xử lý hiệu quả rác thải xây dựng. Đối với hành vi vi phạm pháp luật, do mức độ xử phạt thấp, chi phí nộp phạt không cao nên thiếu tính răn đe. Ngoài ra, việc xử lý rác thải xây dựng còn liên quan nhiều tới các cơ quan hành chính, trong khi trong luật và

các quy định lại chưa rõ ràng về trách nhiệm của những đơn vị này, dẫn đến sự đùn đẩy trách nhiệm cho nhau.

III. Cần phát huy vai trò chỉ đạo của Chính phủ ngay từ giai đoạn đầu

Rác thải xây dựng là nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp tái chế, nhưng hiện nay, các doanh nghiệp tái chế rác thải của Trung Quốc lại gặp khó khăn do thiếu nguồn cung, sự khan hiếm rác thải xây dựng trở thành nguyên nhân chính phá vỡ chuỗi quy trình công nghệ tái chế. Vì vậy, thông qua Chính phủ, cần có các chế tài xử lý nghiêm đối với những hành vi không xử lý rác thải xây dựng, các nhà phát triển hay doanh nghiệp xây dựng sau khi phân loại rác thải xây dựng, phải chuyển rác thải đến những doanh nghiệp tái chế, để dây chuyền tái chế luôn được hoạt động ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Như đã nói ở trên, các doanh nghiệp tái chế rác thải xây dựng đang phải đối mặt với chi phí cao hơn nhiều so với chi phí sản xuất các vật liệu tự nhiên. Nếu xét đến tình hình Trung Quốc hiện nay, ngoài các chi phí cho việc phân loại, nghiền, trộn, bảo dưỡng... còn phải tính toán đến các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra như thu gom, vận chuyển, cùng với các chi phí cho việc xử lý bụi, tiếng ồn.... Nếu để cạnh tranh với các vật liệu tự nhiên, sản phẩm tái chế sẽ bị hạn chế nhiều mặt, tốc độ tiêu thụ sản phẩm chậm, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tái chế gặp nhiều khó khăn. Mặc dù, ngành công nghiệp tái chế hoạt động cũng vì mục đích lợi nhuận, nhưng phần nhiều lại mang tính lợi ích xã hội. Do đó, từ quan điểm bảo vệ sinh thái, cần có sự hỗ trợ khoa học và hợp lý đối với lĩnh vực tái chế rác thải xây dựng, bao gồm các chính sách tài chính, chính sách công nghiệp, đất đai... để đảm bảo ngành tái chế rác thải phát triển ổn định.

IV. Kinh nghiệm xử lý rác thải xây dựng của một số nước trên thế giới

1. Mỹ

Chính phủ Mỹ có quy định: “Bất kỳ một doanh nghiệp nào trên nước Mỹ làm phát thải chất thải rắn, đều phải tự xử lý phù hợp, không được phép xả thải ra môi trường”. Quy định này đã hạn chế lượng lớn chất thải xây dựng được thải ra từ các nguồn, thúc đẩy các doanh nghiệp phải tự chủ động trong việc tìm kiếm biện pháp tái chế nguồn rác thải xây dựng.

Những năm gần đây, Hiệp hội các nhà đầu tư Bất động sản Mỹ cũng bắt đầu mở rộng mô hình “Nhà bảo vệ tài nguyên”, đó là mô hình nhà có tường được làm từ lớp xe tái chế và nhôm phế liệu xây dựng, sử dụng phế liệu thép làm khung nhà, sàn gỗ được làm từ mùn cưa, vật liệu gỗ nghiền và 20% polyethylene, nguyên liệu chủ yếu làm mái nhà là từ báo cũ và hộp các-tông. Loại nhà ở này không chỉ tích cực trong việc sử dụng kim loại phế thải, vật liệu gỗ, giấy bản... mà còn giải quyết vấn đề thiếu nhà ở và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, hàng năm Mỹ còn gia công khoảng 100 triệu tấn rác thải bê tông thành cốt liệu sử dụng trong các công trình xây dựng.

2. Hàn Quốc

Năm 2003, Hàn Quốc ban hành “Luật thúc đẩy tái chế rác thải xây dựng”, năm 2005 và 2006 luật này đã được sửa đổi 2 lần. Trong đó bao gồm 3 điều lớn về thúc đẩy tái chế rác thải xây dựng: *Một là*, nâng cao hiệu quả sử dụng cốt liệu tái chế đối với các công trình; *hai là*, giảm thiểu chất thải xây dựng; *ba là*, xử lý chất thải xây dựng một cách đúng đắn. Nội dung của Luật nêu rõ ràng về nghĩa vụ của nhà nước và doanh nghiệp, rõ ràng cả về yêu cầu tài chính, quy mô, hạ tầng, công nghệ đối với doanh nghiệp tái chế. Mục đích là để ngăn chặn việc phát sinh rác thải phá hủy môi trường tự nhiên, đảm bảo nguồn cung cốt liệu được ổn định, cũng như kéo dài thời gian khai thác của các bãi chôn lấp.

3. CHLB Đức

Cuối năm 2007, nước Đức có 250 nghìn người làm việc trong các bộ phận xử lý rác thải,

hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xử lý rác thải đạt trên 50 tỷ EU. Ở Đức, khi thiết kế sản phẩm, các nhà sản xuất và nhà phân phối đều phải xem xét đến hiệu quả giảm thiểu rác thải trong sản xuất và tiêu dùng, khả năng dễ dàng trong khâu thu hồi và xử lý.

Để có thể thu hồi và tái chế rác thải, vào giữa những năm 90 của thế kỷ XX, nước Đức đã ban hành “Luật quản lý chất thải và kinh tế tuần hoàn”, đồng thời còn ban hành một loạt các quy định khác.

Ở Đức, tỷ lệ thu hồi rác thải xây dựng rất cao, cao nhất trong tất cả các loại rác thải thu hồi được. Không chỉ Chính phủ tập trung vào việc tái chế rác thải xây dựng, mà những nhà

xây dựng và thiết kế cũng luôn hướng đến mục tiêu sử dụng rác thải tái chế vào trong xây dựng. Chính quyền địa phương sẽ là chủ thể chịu trách nhiệm đối với việc xử lý rác thải xây dựng, Ban bảo vệ môi trường của Đức sẽ chịu trách nhiệm thiết lập các quy định pháp luật có liên quan.

PV.Trương Thông

*Nguồn: <http://news.cenews.com.cn>
(Báo Môi trường Trung Quốc bản điện tử
ngày 3/3/2015)*

ND: Bích Ngọc

CỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2015 VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016

Hà Nội, ngày 13 tháng 1 năm 2016



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị



Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến báo cáo tại Hội nghị